

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 15 (Phần Cuối)

BẢN LUẬN QUYỂN 56

Dưới đây, là thứ hai, y theo hành bất tương ứng, để nói về phần vị của uẩn. Trong đó, đầu tiên là hỏi, đáp, nêu chung, chỉ như Bản địa phần. Sau mỗi phần giải thích riêng, có hai mươi câu hỏi đáp.

Trong giải thích về đắc chép: “Dựa vào nhân; tự tại, hiện hành; kiến lập phần vị: Nhân tức là hạt giống thành tựu, dựa vào một phần oai nghi, công xảo của pháp sinh đắc thiện căn. Trong pháp nhiệm ô tất cả hạt giống người khéo tu nhờ nhân duyên kiến lập mà hạt giống thành tựu.

Tự tại tức một phần oai nghi, công xảo của gia hạnh thiện. Người khéo tu tập và tất cả hạt giống mà biến hóa đã có, phải do công phu tu tập của nhân gia hạnh, mới có thể tự tại sinh khởi hiện hành. Cho nên, kiến lập, tự tại, thành tựu. Trong đây chỉ có hạt giống hữu lậu, hiện hành: tức là hai hạt giống thành tựu trước, bất sinh hiện hành, nghĩa là thuộc về người tu hành, y theo vào người đó để kiến lập hiện hành thành tựu. Định Vô tướng trong ba tâm rằng: “Trước, là đối với định Vô Tướng này, sau đối với các cõi như cõi Sắc v.v.... Pháp sư Cảnh nói: “Người mới khởi ở cõi Dục, không nhất định chiêu cảm quả báo, sau khi cõi Sắc khởi, mới bắt đầu cảm báo. Bỏ thân cõi Sắc, mới sinh Vô Tướng. Như quyển năm mươi ba chép: “Người tu phẩm hạ, hiện pháp tất nhiên lui sụt v.v...”, đủ biết rõ ở cõi Dục, mới khởi, gặp duyên sẽ lui mất, không nhất định được quả.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trước, chủ yếu do cõi Dục khởi, nên về sau, sinh cõi Sắc lại khởi, vì thuộc về một lần sinh cõi Sắc. Cõi Dục đã nhập định là nghiệp báo sau. Nếu cõi Sắc không còn nhập định, chỉ một lần sinh ở Địa khác, là thọ báo ngay, thì định cõi Dục có thể thành tựu quả báo sau. Ở trong cõi Sắc còn có nhập định, đủ biết người này ở trước khi ở cõi Dục, đã là người lui sụt thì vì sao ở địa khác của cõi

Sắc mà lại khởi định mà sinh thọ báo. Và ở cõi Dục phải biết rằng chỉ là sinh báo.”

“Nếu vậy người lui sụt cõi Dục, ở trước đã được định, nghiệp Tư ở thân, nghiệp này đều không thọ báo ư?”

Đáp: Nếu thọ báo, thì lẽ ra một ngàn kiếp thọ quả kia. Do cõi Sắc nhập định, định này là sinh, báo, chiêu cảm năm trăm kiếp. Kiếp mãn về trước, nghiệp cõi Dục thành thực, lẽ ra lại thọ quả, lại năm trăm kiếp, tức lẽ ra một ngàn kiếp mà thọ quả kia ư? Nếu tức định cõi Sắc lúc cảm sinh báo kia, nghiệp cõi Dục đồng một lúc thọ báo riêng, thì nghiệp cõi Dục này sẽ thành sinh báo. Thời nay không thọ quả này, nghiệp này đối với sinh chưa thực, vì yếu kém.”

“Nếu vậy, thì lẽ ra quả báo không nhất định, báo này có thể chẳng phải là sinh báo trong Đại thừa, vì người thọ báo sau, đều gọi là sau. Dù người đã từng trải qua trăm ngàn đời, mà vẫn còn thọ báo kia, cũng gọi là báo sau.”

Nếu vậy, về sau, khi muốn sinh cõi kia, thì phải được định. Định này cảm sinh cõi kia, tức là sinh báo, nghiệp trước lúc nào mới thọ báo?

Nghĩa là: “Chính vì thọ báo riêng ở cõi kia, nên gọi là báo sau.”

“Nếu vậy, thì sinh ở cõi Dục ở trước, khi nhập định, thọ báo riêng kể cũng gọi là nhập nghiệp báo sau ư?” Ngài Tam Tạng nói: “Nếu người lui sụt, về sau, khởi ở cõi Sắc, thì nghiệp cõi Dục ở trước tức báo của định lúc này thuộc về bất định. Và lại đoạn văn này nói rằng: “Trước khởi ở đây gọi là nhập định. Sau, ở cõi Sắc, nghĩa là đọc dài đoạn văn dưới nói là: “Về sau sinh cõi Sắc, thọ báo cõi Sắc, chứ chẳng phải về sau, nhập định ở cõi Sắc.”

Nếu đã kiến lập tất cả xứ đều được hiện ở trước, nếu theo môn tùy chuyển lý, chưa kiến lập giáo của A-lại-da, thì người chứng quả Bất hoàn, trước ở cõi Dục, dứt trừ “hoặc” của ba thiền, hàng phục các “hoặc” của định thứ tư trở lên, được nhập diệt định. Về sau, lui sụt diệt định, sinh ở cõi Sắc, lại khởi diệt định, e rằng sẽ trở thành đoạn diệt, chủ yếu dựa vào sắc thân, mới nhập định, cho nên trong cõi Vô Sắc không khởi Diệt định.

Nếu dựa vào lý chân thật để kiến lập giáo của A-lại-da nói là sinh cõi Vô Sắc. Dù không có sắc thân và diệt sáu thức, nhưng dựa vào Lại-da cũng khởi diệt định, nên đối với xưa của ba cõi đều được hiện ở trước.”

Lại giải thích: “Theo Bát-nhã v.v... thì không lập giáo Lại-da, chỉ

dựa vào sắc thân, được khởi diệt định. Nêu theo kinh giải Thâm Mật, đều kiến lập giáo Lại-da; sinh cõi Vô Sắc, được khởi diệt định.

Nói: Dựa vào hữu tình đã sinh Vô Tướng trong các cõi trời hữu tình, gọi là diệt phần vị v.v.... Pháp sư Cảnh nói: “Đối Pháp cho rằng: “Hai định vô tâm và trời vô tướng đều nói là đã kiến lập Tâm, Tâm sở diệt, không thường hiện hành, nên biết chỉ y theo ở hạt giống của ý thức, quả báo của trời kia, để lập trời vô tướng. Vì hạt giống của ý thức kia trước, sau tiếp nối nhau, với thể là quả báo vô ký, kiến lập trời vô tướng ở cõi trời kia, vì thế, nên cõi trời vô Tướng cũng gọi là Dị thực.”

Lại, ở cõi trời này đều nói tên uẩn diệt phần vị, lập hai định và trời vô tướng. Nếu y theo bốn uẩn của Bản thức thì gọi là thượng kiến lập, văn lẽ ra nói kiện khởi bốn uẩn gọi là thượng kiến lập, không nên nói là “diệt phần vị” mới bắt đầu kiến lập”.

Ngài Tam Tạng nói: “Y theo A-lại-da Thức trong trời kia, để kiến lập trời Vô tướng là Vô phú, Vô ký.” Lại nay nói hạt giống Tư của tâm nhằm chán, vì có thể diệt vô tướng nên nói: “có thể dẫn phát, tư của định Vô tướng, cảm Dị thực của trời kia, tức nói định vô tướng có thể diệt vô tướng.”

Luận sư Trắc nói: “Về mặt đạo lý tức Định vô tướng được diệt vô tướng. Luận chủ y theo chỗ sở y, nên nói Tư, chủ thể diệt quả của cõi trời kia.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Định, đều cùng Tư, có thể diệt báo riêng”.

Nói “sau tướng sinh rồi, từ cõi trời kia. Pháp sư Cảnh nói: “Văn này trái với thuyết trước. Thuyết ấy nói: “Các căn như nhãn v.v... của hữu tình Vô Tướng trong tất cả thời gian, đều không phải là đối tượng nương tựa của Xúc.”

Lại, bốn trường hợp ở trên nói: “Thành Lại-da, không thành sáu thức, nghĩa là trời Vô Tướng v.v...”, sao văn này nói là lúc qua đời có tâm ư?”

Giải thích: “Đối với trời Vô Tướng, vì thời gian vô tâm nhiều, nên không thành sáu thức và nhãn v.v... chẳng phải chỗ nương tựa của Xúc.”

Ngài Tam Tạng lại nói: “Tướng sau sinh rồi, từ cõi trời kia mất đi: Nghĩa là như trời đã đến, nói là hôm nay đến, cũng như nay đến, nói là đã đến. Ở đây cũng như thế, lẽ ra nói từ cõi trời kia qua đời, sau khi thọ sinh, tâm tướng chính thức sinh ở đây lại nói là người kia đang sinh, gọi là sinh rồi, vì theo cách đảo ngữ của phương Tây. Trước kia nói, sau khi

thọ sinh, tâm tướng đã sinh, mới nói hữu tình vô tướng, từ cõi trời kia chết, nhưng bằng giải thích trước, vì Du-già, Đối Pháp đều nói có chín thứ qua đời, tâm khởi ái tự thể, nối tiếp nhau đến đời nay.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Môn Thuận theo lý trong đây, quả kia của Đại thừa mới sinh và qua đời đều không có tâm, làm sao biết được? Tức đoạn văn dưới đây nói: “Một thời kỳ không có tâm, chỉ có sắc, nghĩa là vì sinh lên cõi trời vô tướng, nên biết được chỉ có sắc, không có tâm. Có văn nói: “mới sinh có tâm” Văn này nói là không có tâm. Phương Tây đều cho khi nghiệp người khác chiêu cảm thì cảm quả không có tâm. Lại nữa nên đọc dài ra đoạn văn này rằng: “Nói là nếu sinh rồi, tức là từ cõi kia mất, đã ở Trung hữu gọi là tướng sinh rồi, trong đó hữu tình tức là từ cõi kia mất, chính là Tông chỉ của Đại thừa, chứ chẳng phải nghĩa của Tiểu thừa.”

Trong mạng căn. Pháp sư Cảnh nói: “Luận Đối Pháp nói là mạng căn không gọi là Dị thực Vô ký, chỉ gọi là tự tánh vô ký, tức là Dị thực này đối với tự tánh của môn ba tánh là vô ký của tự tánh kia. Chỉ biết vô ký tự tánh rộng, có cả năm căn danh, văn thân, mạng căn, chúng đồng phần v.v.... Dị thực thì hẹp, chỉ cuộc hạn Lại-da.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đoạn văn ban đầu trong đây nói:” Lúc Di thực trụ, quyết định v.v... nói làm rõ mạng căn, dường như chỉ có quả báo chung.” Đoạn văn dưới đây nói: trong ba thứ, lại có định, bất định, vì ái không ái, nên biết được cũng chung cho quả báo riêng”.

Lại như văn luận Hiển Dương chép: “Lúc Di thực trụ nơi sáu xứ, quyết định v.v... thì cũng gồm quả báo chung, riêng.” Như ở đây chính luận Đối Pháp không kiến lập trên thức thứ tám. Nếu không như vậy, thì Luận sư Tuyền nói: “Như hạt giống pháp nhĩ dù nói là vô tử như thế, sáu nhập thù thắng ý chỉ lấy xứ thứ sáu, tức chỉ cho báo chung được giả lập trên thức thứ tám. Chúng đồng phần v.v... cũng đồng với lời nói này.”

Vì định, bất định nghĩa là có sống Trung, yếu hay không có Trung, yếu; nhất định sống lâu hay không nhất định sống lâu. Quả của ái, phi ái, đường thiện, đường ác.

Vì năm số kiếp đã được an lập; tức y theo ở giới hạn của lượng tuổi thọ, hoặc một kiếp v.v....

Trong chúng đồng phần. Pháp sư Cảnh nói: “Dựa vào phần vị giống nhau của các hữu tình, để lập đồng phần, nghĩa là y theo chung ở ba tánh năm chủng loại để lập đồng phần. Đồng phần của chủng loại: Chủng loại giống nhau của hạng Sát-Đế-Lợi v.v....

Tự tánh: Y theo vào mỗi chủng loại, còn có đồng tánh. Chất cứng cõi, mềm yếu của nam, nữ. Ngay như y theo trong tánh người nam ưa thiện, tu ác, đều gọi là đồng phần tự tánh.

Đồng phần của xứ nghiệp công xảo, nuôi nấng mạng, nghĩa là đồng nuôi nấng thân mạng, làm công tác, nghiệp khéo để lập chúng đồng phần.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Chỉ kiếp lập trên số hữu tình, chẳng phải phi hữu tình. Vì sao? Vì đường khác với chẳng phải đường. Ở đây chỉ kiến lập trên số hữu tình. Trong sinh không có hữu tình hôm nay, gọi là sinh Sát-na. Tự loại nối tiếp nhau, gọi là nối tiếp nhau sinh, Yết-la-lam v.v... gọi là sinh phần vị.”

Hỏi: “Sát-na Sinh, nghĩa là từ pháp một niệm của nhân duyên khởi, tức pháp cần phải sinh, sao gọi là giả?”

Giải thích: “Trong danh nói sinh, sinh không có riêng, tức y theo ở sắc, tâm pháp khởi, giả lập sinh kia, nên sinh là giả.

Trong già: “khác” với Tánh già, nghĩa là trước, sau tánh “khác”. Già chuyển biến. Nghĩa là mười phần vị đổi khác. Lão thọ dụng, nghĩa là thọ dụng sáu trần, suy kém dần.

Lập chế trụ trong trụ: nghĩa là như pháp luật v.v... ban hành trong đời không dứt, gọi là lập chế trụ.

Hoại, diệt trong vô thường, nghĩa là một niệm hoại diệt. Chuyển biến, nghĩa là chuyển trở thành già, chia lìa, nghĩa là tài vật tiêu tan, bà con chia lìa.”

Ba thứ trong Danh, Thân. Pháp sư Cảnh nói: “Nếu nói pháp giả: Bình, chậu, nhóm tập, tức giả đặt ra Danh, Thân. Nếu nói chung, pháp của tướng chúng sinh v.v... đối với pháp giả nhóm họp ở trước, tức vật thật, gọi là thân. Nói là hai pháp sở tri chung ở trước, gọi là danh thân hiểu rõ chung. Nếu nói hai pháp không biết chung, thì gọi là Danh, thân mà đời không hiểu rõ chung.”

Luận sư Trắc nói: “Nói trắng là đen v.v..., gọi là giả nói danh, nói trắng là trắng v.v... gọi là danh của vật thật. Vào Kiếp sơ, lập chung như tên Diệu Cao v.v... mà thế gian đều hiểu rõ chung.

Sự khác nhau trong đây, nghĩa là cho đến thuộc về âm, thuộc về chữ. Pháp sư Cảnh nói: “Tiếng Phạm Xiển Đà Na Luận, Hán dịch là âm thanh. Thông thường Bồ-tát nói pháp có ba thứ, nghĩa là man, nữ đều chẳng phải âm thanh. Trong ba âm thanh, phải hội đủ âm vận hai dài, hai ngắn mới được gọi là đủ. Câu đủ này được gọi là thuộc về âm. Về cú pháp của nước phương Tây, phải đủ ba chữ để làm một câu. Câu bao

gồm tên, chữ. Bốn thứ này đều giải thích câu, nghĩa.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Câu có hai thứ, đó là nêu chung, giải thích riêng. Âm chữ có hai thứ, nghĩa là âm có gốc mười bốn, tức chữ Lý A v.v..., nghĩa là bốn mươi bốn chữ. Ca là pháp ca v.v..., lại thuộc về âm, tức Xiển-Đà-Na Luận.

Có nam nữ v.v... đều có bảy chuyển mới thành âm, thuộc về văn tự, tức nói là âm, chữ.

Trong tánh phàm phu, Pháp sư Cảnh nói: “Trong đây, lập “đắc”, không lập bất đắc, chỉ nói rằng: “Tánh phàm phu không được pháp Thánh”, tức là nêu loại không được Thánh pháp này để giải thích tất cả các tánh bất đắc, cũng tức thích hợp với nghĩa không được kia.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Như Tiểu thừa chỉ có tánh Hữu phú vô ký, do tu đạo dứt trừ; Đại thừa thì không thể như vậy, vì không có tánh phi đắc riêng.”

Luận Tạp Tâm bản cựu dịch chép: “Phàm phu tất cả phi đắc, không có thuộc về nơi chốn, vì tánh phàm phu cuộc hạn. Nay, luận Câu-xá lập riêng “phi đắc”, tức tánh phàm phu ở trong “phi đắc”. “Phi đắc” rộng, thuộc về hết tất cả “phi đắc”. Pháp có, “đắc” của Tiểu thừa, pháp trước, pháp sau đều cùng có “đắc”, “Phi đắc” chỉ có pháp trước pháp sau, không có pháp, đều có “phi đắc”, vì pháp hiện tại, tất nhiên thành tựu, gọi là “đắc”, tức pháp có đều có “đắc”. Không có pháp thành tựu hiện tại, gọi là pháp đều có “phi đắc”. Giả sử “phi đắc” ở hiện tại, tất nhiên là pháp có, đều có “đắc”, vì thành tựu. Nếu ở quá khứ, vị lai, thì sẽ có “phi đắc”. Nay Đại thừa cho chỉ có pháp đều có “đắc”, vì đối với có dựa vào kiến lập “đắc”. Không có pháp “đắc”, “phi đắc” trước, sau. Đã chỉ ở quá khứ, vị lai, kiến lập, tức “phi đắc” đều không có, vì không kiến lập trên pháp không có. Nếu có pháp “đắc” trước, sau, thì có thể có “phi đắc”, vì kiến lập ở quá khứ, vị lai. Đại thừa không có “phi đắc”, mà lập riêng tánh phàm phu. Tánh này tức được kiến lập, trên kiến dứt trừ phiền não, vì không được pháp các Thánh như kiến đạo v.v.... Nếu chưa được kiến đạo, thì sẽ không được kiến lập trên tất cả Thánh đạo. Nếu được một phần, thì phần còn lại là chủng loại này, nên kiến đạo không gọi là tánh phàm phu, chung cả ba cõi. Nếu lia địa kia, khi nhiễm, cũng gọi là một phần tịnh. Cũng có nghĩa có thể nói là dựa vào pháp có của hạt giống, cũng tánh hữu phú vô ký, không được nghĩa chung của tất cả pháp ở kiến đạo của ba thừa. Nếu không được tu đạo đều là tánh phàm phu, thì kiến đạo lẽ ra nên gọi là tánh này. Cũng có thể nói là ở Pháp Thế Độ Nhất, lúc Xả kiến đạo thì dứt trừ trong sự trôi

lăn, mỗi niệm sinh, diệt đoạn, lại dứt, gọi là lưu chuyển Sát-na, qua lại ba cõi gọi là xoay vần sinh lưu chuyển các pháp như ba tánh, v.v... sanh khởi trôi lăn, gọi là nhiễm, tịnh xoay vần trong định khác.”

Pháp sư Cảnh nói: “Nói tướng khác với định, nghĩa là như màu xanh, vàng v.v.... Nhân khác với định, nghĩa là vì thiện ác khác nhau, nên quả khác với định, khổ, vui khác nhau.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tướng khác với định, nghĩa là tướng thể trong nhân quả.”

Trong tương ứng. Pháp sư Cảnh nói: “Điều thiện sẽ diệt ở niềm vui; việc ác sẽ chiêu cảm với nỗi khổ. Lúc nhân duyên đủ, gọi là hòa hợp, tương ứng. Như nói là được trụ, thời gian sau, bỏ vọng, rồi trở lại nương theo phương tiện tưng kinh như thquở xưa, tức là phải trở qua “đắc”, mới gọi là tương ứng với phương tiện, tùy theo làm việc thiện ác, gọi là như pháp xưa đã làm thành xong, được gọi là tương ứng với việc đã làm.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tương ứng với phương tiện nghĩa là trí gia hạnh với tất cả sự căn bản, gọi là Phương tiện. Đạo lý Xứng khả, nghĩa là trí tương ứng với lý, thể nhanh chóng của các hành trong thế nhanh chóng, nghĩa là như trong thời gian búng ngón tay, trải qua sáu trăm lần sinh diệt, thể nhanh chóng (thế tốc) của sĩ dụng: như ba nghiệp nhanh chóng của sĩ phu đoạn căn trong thế gian.

Thế tốc của Thần thông: Như trong thời gian co, duỗi cánh tay đã cõi trời đến sắc cứu cánh v.v....

Sát-na trong thứ lớp, thứ lớp của lưu chuyển. Nghĩa là niệm trước theo thứ lớp của lưu chuyển.

Thứ lớp lưu chuyển trong thân, nghĩa là như thứ lớp của mười giờ trong một thân, thành lập thứ lớp lưu chuyển của việc làm, như khí thể giới bên ngoài được thành lập, an bài trước sau.”

Trong thời gian. Phương Tây có ba thuyết:

1- Nhiếp Luận nói: “Hạt giống, quả đều có”. Đây là y theo ở “có”, “không” đều cùng có, chứ chẳng phải là đều cùng có. Lúc được Kim cương tâm dù không có nhân kia mà vẫn có bản thức, nên trí Viên Cảnh bấy giờ chưa sinh.

2/ Trường hợp thứ hai có năm thứ: Bốn thời kỳ trước ở trong thai, nhãn căn chưa sinh. và tánh phàm phu này ở cõi Vô Sắc, đều thuộc về trường hợp thứ hai. Trong thời kỳ thứ năm và khi xuất thai, dù được nhãn căn, nhưng vì bị người khác phá hoại, nên nói: hoặc sinh rồi mất; hoặc từ xưa đến nay không được nhãn căn; hoặc lại sinh rồi diệt, vào

quá khứ, tức không có thể của nhân, gọi là Vô gián diệt.

3/ Điều không có, nghĩa là La-hán mất mắt, hoặc xưa nay bất sinh mắt; hoặc vị La-hán kia sinh cõi Vô Sắc, hoặc từ thân ba cõi nhập vô dư. Cõi của thân không có, trên đây bất sinh thân.

Ngoài ra, tùy đối tượng thích hợp, nghĩa là thân căn ở hai cõi dưới, cũng không có lúc chưa sinh, cũng không có hoặc sinh rồi mất, chỉ có Vô gián diệt, nhập quá khứ.

Nếu tạo ra bốn trường hợp, thì nên nói rằng có cõi của thân, phi thân, nghĩa là thân sau cùng của A-la-hán và người học từ hai cõi dưới qua đời, sinh cõi Vô Sắc, sau cùng là xả thân, là có cõi của thân, chứ chẳng phải có thân, nghĩa là thân căn của hai cõi dưới Vô gián diệt, nhập quá khứ và phàm phu sinh cõi Sắc, hai trường hợp khác rất dễ hiểu.

Đối với bốn cõi bên ngoài, tùy điều kiện thích hợp, nói đủ, nghĩa là nếu bốn trần của cõi dưới thường có, nếu cõi Sắc không có hương, vị thì xúc của sắc thường có. Bốn trường hợp rất dễ hiểu.

Có cõi Sắc, phi-sắc: nghĩa là sắc sau cùng của A-la-hán và người học từ hai cõi dưới qua đời lúc sinh cõi Vô Sắc, sau cùng xả bỏ sắc.

Có cõi Sắc chẳng phải sắc, nghĩa là bốn căn đối nhau trong bốn thời gian trước, Sắc và phàm phu của Vô Sắc. Hai trường hợp còn lại rất dễ hiểu. Ba thứ: hương, vị, xúc so sánh như thế. Hoặc có văn luận; hoặc lại nhân này Vô gián hẳn là diệt.

Ngài Tam Tạng còn tra cứu luận này bằng tiếng Phạm thì thấy không có chữ “tát” này, khéo thuận với đạo lý. Vì sao? Vì nếu có chữ “tát” thì tức là ở hiện tại, vì chưa diệt nhân, nên không được “phi nhân” đồng là hoàn toàn không có hạt giống nhân, gọi là không thành giới hay vì có hạt giống không được sinh nhân mà gọi là không thành ư?

Ngài Tam tạng nói phương Tây có hai thuyết:

Thuyết thứ nhất nói: “Nếu hẳn là bất sinh khi có thì hạt giống của nhân đã bỏ, nên không gọi là giới nhân.”

Hỏi: “Nếu vậy thì việc bỏ Tiểu hưởng Đại sẽ rất ráo không khởi vô lậu của hàng Nhị thừa. Bấy giờ, khi chưa được phát khởi thì vô lậu, nhưng vì hạt giống củ đã bỏ, nên lẽ ra sinh ư?”

Ngài Tam Tạng có hai giải thích:

1- Chủ yếu của văn này, khi cần nhập Sơ địa, niệm ở trước, đầu tiên là, Xả hạt giống Vô lậu kém. Theo thứ lớp, tức khởi vô lậu của Bồ-tát.

2- Địa tiền, tức khởi vô lậu của Bồ-tát tu hạnh Đại thừa. Hạt giống

vô lậu của Nhị thừa khi phát tâm Đại thừa, tức Xả không thành.

Thuyết thứ hai, chỉ bỏ công năng hiện hành của sinh.”

Luận sư Trắc hỏi:

Bất Hoàn cội “Vô Sắc, nếu cho rằng không, có nghĩa hạt giống, thì vì sao đã sinh hạt giống của mắt, và chưa sinh hạt giống của mắt đều chẳng phải có ư?”

Đáp: “Vì không còn sinh quả nữa, mới sinh lên cội Vô Sắc, tức là bỏ hạt giống.”

Hỏi: “Nếu vậy, cũng có thể Bất địa trở lên, tất cả hạt giống phiền não của Bồ-tát, vì không có tác dụng nên không thành tựu ư?”

Giải thích rằng: “Hạt giống có hai công dụng:

1- Sinh tác dụng của quả.

2- Tác dụng của chướng đạo.

Hạt giống “hoặc” của địa vị kia dù không có tác dụng trước, mà vẫn có tác dụng sau, cho nên không bỏ.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Như Đối Pháp quyển hai có hai tranh luận, nhằm giải thích hạt giống với hiện hành đều gọi là la giới. Sở dĩ hợp nhau để giải thích đoạn văn này, là vì Luận sư Thắng Quân dùng văn để chứng minh hạt giống sinh hiện hành không đồng thời. Nay, lấy mắt hiện hành làm giới, vì vượt hơn nên không có lỗi. Lẽ ra cũng trong trần bên ngoài, tạo ra bốn trường hợp: được mắt, không được sắc v.v..., nghĩa là: Khi mắt không biến đổi thành sắc, là được mắt không được sắc.

Không có mắt, nghĩa là chỉ có sắc của tướng thứ tám, nên được sắc, không được mắt. Cả hai đều thành tựu, cả hai đều không thành thành tựu v.v....

Nói về đồng phần, đồng phần kia: Ngài Tam tạng nói: “Căn đồng với thức chấp cảnh, nói căn là đồng phần. Thức là căn, vì là đồng tte pháp của tâm trong pháp giới, như tâm là đồng phần. các Pháp như sắc còn lại v.v..., vì chẳng phải đồng, nên như năm trần là đồng phần kia.”

Lại giải thích: “Tiểu thừa lập ba đời có “đắc”, ý nói bất sinh giới của bảy tâm, ở vị lai gọi là đồng phần kia; giới bảy tâm gọi là đồng phần. Đại thừa cho quá khứ, vị lai là pháp không. Nếu y theo riêng để phân tích về nghĩa của đồng phần, đồng phần thì chỉ hiện tại là có, thức khởi hiện tại, thức ấy tất nhiên có tác dụng, thì sẽ không có đồng phần khác với đồng phần kia. Sáu trần như sắc v.v... kia chỉ là cảnh khác, không có tác dụng của chủ thể chấp, cũng không nói nghĩa đồng phần, đồng phần kia chỉ năm căn hiện tại không cần duyên khác, với tự loại nối tiếp nhau. Y theo ở thức của Trung hữu đã nương tựa vào tác dụng

của cảnh hữu thủ gọi là đồng phần. Vô thức chưa dựa vào tác dụng của cảnh không có “hữu” “thủ”, gọi là đồng phần kia. Luận Đối Pháp quyển năm chép: “Do căn với thức giống nhau về nghĩa chuyển, nên nói là đồng phần. Do căn không hợp với thức, chỉ tự nối tiếp nhau sinh, tướng căn giống nhau, nói là đồng phần kia. Ý nói về năm căn, khi khởi nối tiếp nhau, nếu hợp với thức, cho tác dụng thức thì gọi là đồng phần; không hợp với thức, gọi là đồng phần kia. Năm trần như sắc v.v... đối với năm thức không có hợp, không hợp. Nếu làm đồng phần thì khi sáu thức kia chưa khởi tác dụng, sẽ không có tự Thể, không thể nói là đồng phần, không đồng phần kia. Nếu đã sinh thì chỉ có tác dụng thôi, cũng không thành hai trường hợp, thì làm sao được nói là đồng phần, không đồng? Vì thế, nên chỉ năm căn được thành tựu cả hai trường hợp. Không được đồng với thuyết của Tiểu thừa, nói là vị lai không y theo vào lý Duy Thức. Như “duyên” quá khứ, vị lai có tâm tương đương (thích hợp với nhau) giống với tướng mạo của quá khứ, vị lai. Trường hợp này, chỉ trong tâm có công năng của quá khứ, vị lai. Nay, chính khi đang “duyên” giống với tướng đó, với Lý duy thức được gọi là quá khứ, vị lai. “Duyên” ấy chỉ hiện tại. Đạo lý của hai pháp tướng, nghĩa là pháp hiện tại sẽ diệt, gọi là quá khứ, chưa diệt, thì gọi là vị lai; chính khi đang sinh, gọi là hiện tại, tức ngay nơi pháp tướng tên pháp hiện tại để lập ra ba đời. Ba thân thông được nói là ba đời, tức là sức thần thông của chư Phật v.v... tự nhiên (pháp nhĩ) có như thế, nếu một ngàn tướng thể hiện, nghĩa là pháp hiện tại đã từng có công năng gọi là quá khứ; sẽ khởi có công năng, gọi là vị lai, thì tức là trên hiện tại cũng đã có ngần ấy nghĩa công năng, để nói là ba đời, như trước đã nói. Trong phương:” Luận Đối Pháp cũng nói; “Chỉ dựa vào nhân, quả của sắc pháp. Mà kiến lập các phương. Nếu y theo ở phương, gọi là phương, thì bốn uẩn cũng gọi là Phương, nên đoạn văn trên nói rằng: “Tùy ở chỗ này hoặc sinh ở đây, tức trong số thuộc về phương này. Trong số, cho rằng dựa vào hạn lượng của pháp để hiểu rõ phần vị, nhằm lập ra số, nghĩa là hoặc cứ theo ý tứ; hoặc y theo theo ngữ nghiệp, biểu thị rõ phần vị, giả lập làm số.”

Trong hòa hợp, Pháp sư Cảnh nói: “Tập hội, nghĩa là như nhóm đại chúng, giả lập gọi là tập hội.

Một nghĩa hòa hợp, nghĩa là như lập chi nghĩa đầy đủ, cũng có thể các tâm, tâm sở đồng khởi một cảnh, cảnh còn gọi là nghĩa. Gọi là một nghĩa hòa hợp, viên mãn hòa hợp, nghĩa là như quyển thuộc viên mãn của thế gian kia.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Một nghĩa hòa hợp, nghĩa là đồng dựa vào

một việc để làm. Hòa hợp viên mãn, nghĩa là khi được rốt ráo. Trong không hòa hợp, hoặc là phần vị, hoặc khác nhau. Pháp sư Cảnh nói: “Nếu là phần vị trước, sau không hòa hợp, hoặc đồng nhau, hoặc khác nhau, đều lập bất hòa hợp.

Luận sư Trắc nói: “Nếu là phần vị, nghĩa là ba phần vị trước, nếu sai khác, nghĩa là ba phần vị có khác nhau.”

Dưới đây, là thứ ba, dùng các môn để phân biệt năm uẩn, trong đó, trước giải thích riêng, sau là tổng kết.

Trong giải thích, trước dùng ba mươi ba có sắc, có kiến v.v... để hỏi, phân biệt các uẩn; sau đặt câu hỏi trái với sắc v.v..., để làm rõ nghĩa không có sắc v.v....

Trong phần trước, có ba thứ nhỏ nhiệm, như quyển năm mươi bốn đã giải thích. Nghĩa thô to trong đây, tức phần sắc xứ thô lớn trong sắc uẩn, chứ chẳng phải phần nhỏ nhiệm kia, chẳng phải là sắc uẩn, chỉ là thô lớn.

Trong giải thích hữu lậu nói rằng: “Thô, nặng đã tùy theo v.v... ” nghĩa là bị các phiền não thô, nặng theo đuổi, chứ chẳng phải chủ thể đối trị. Xuất sinh từ phiền não, là nghĩa hữu lậu, có bốn lỗi:

1- Không vắng lặng. Dưới đây nói: “Hiện hành triền đã làm, tức như thể phiền não, hiện hành làm văn luận.” Ngài Tam Tạng nói: “Do phiền não hiện hành, nên não loạn căn v.v..., gọi là không vắng lặng.

2- Trong, ngoài đối khác. Đoạn văn dưới đây nói: “Các sự phiền não theo đuổi việc làm của phiền não, tức sự mà các phiền não đã nương tựa. Do khởi tham, giận v.v... như thế, thành thử hôm nay, trong ngoài mới đối khác, căn, trần đối khác, căn, trần gọi là sự.

3- Phát khởi hành vi ác. Ở dưới nói: “Do Nhân duyên phiền não gây ra. Do phiền não làm nhân duyên, nên phát khởi hành vi ác, là do phiền não gây ra.

4- Nhân nhiếp thọ. Dẫn phát hữu (sau), như văn rất dễ hiểu.

“Có tranh luận về vị ái v.v... ” Như Luận Hiển Dương v.v... đã nói rộng.

Ngài Tam Tạng nói: “Có tranh luận, chỉ nói là thể của thân, có tất cả hữu lậu. Vị “ái” chỉ duyên sinh của thân trong. Sự vui say, thềm khát chỉ “duyên” dục bên ngoài khởi, chỉ văn này ở cõi Dục.” Pháp sư Cảnh nói: Ái, vị có ở khắp ba cõi, mê đắm chỉ ở cõi Dục.

Hí luận, theo nghĩa là thế gian, nghĩa là chủ thể (khả năng) sinh phân biệt, chấp lấy giả đối, gọi là đối tượng nương tựa của hí luận.”

Trong giải thích ba đời rằng: “Nhân quả đã được thọ dụng, gọi là

quá khứ, nhân quả chưa thọ dụng, gọi là vị lai; nhân đã thọ dụng, quả chưa thọ dụng, gọi là hiện tại, nghĩa là vị lai, quả khứ đều y theo ở nhân, quả đồng thời mà nói và quả đã thọ dụng, nghĩa là “đẳng ngữ”. Hiện tại y theo ở nhân quả đẳng lưu, thời gian khác, nghĩa là “ngữ”, là quả quá khứ ở hiện tại, chẳng phải là nhân, quả đồng thời, hiện tại không có quả, nên biết là y theo ở nghĩa riêng, nên khác với nghĩa của Bản Địa Phần quyển ba đã nói.”

Trong hồi trong, ngoài, sáu xứ đều thuộc về nghĩa kia là bên trong, chấp nghĩa là sáu căn bên trong đều chấp bốn trần phù căn và tinh nội thuộc năm sắc căn. Lại, chấp Thọ, Tưởng, hành uẩn thuộc ý căn, đều là sắc tự tại của định, cho nên nói thế.

Một phần của uẩn là ngoài: Nghĩa là trong sắc uẩn, chỉ lấy năm trần của phi tình, nên nói rằng một phần. Uẩn của ba tội ác, gọi là thô, người, trời là tế. Năm uẩn vô lậu dù là vô thường, chẳng phải khổ, bất tịnh là “diệu”. Nơi chốn thời gian khứ, lai, phương, nghĩa cách trở, vượt qua là xa v.v... Pháp sư Cảnh nói: “Nơi chốn xa, như Thiên-trúc, Chấn Đán. Vì nơi chốn kia cách trở nơi này, nên nói là xa.

Thời gian quá khứ, vị lai v.v... Nghĩa là vì quá khứ, hiện tại nên xa; vị lai đến hiện tại, nên xa.”

Luận sư Trắc nói: “Phương, giải thích là nơi chốn. Cách trở vượt qua, giải thích lại thời gian đi, đến xa. Nay nói rằng: “thời gian cách trở, vượt qua, giải thích thành quá khứ, vị lai. Phương ngăn cách, vượt qua, là giải thích thành nơi chốn.”

Luận Tiểu thừa nói về bốn thứ xa: Xứ, thời, tánh, tướng. Như thiện, ác không có sắc xa, dù đồng trong một thân khởi, nhưng vì tánh chất khác hẳn, nên gọi là tánh xa. Như bốn Đại chủng dù trong một thân, nhưng tính chất cứng, ẩm ướt, ấm áp, dao động khác nhau, nên gọi là tướng xa.

Trong luận này, giảm lược không nói là hai. Trong trí tuệ ba cõi, cõi Dục là nói sinh chưa được đối trị, là thời kỳ thứ nhất chưa được vô lậu và, đối trị của tâm cõi sắc có đủ năm uẩn của cõi Dục. Hoặc “đắc”, là “đắc” vô lậu của thời kỳ thứ hai và đối trị của tâm cõi Sắc, chỉ có sắc cõi Dục và Bất tương ưng hành.

Đã xuất: phát ra vô lậu của thời kỳ thứ ba và tâm định của cõi Sắc có đủ năm uẩn cõi Dục.”

Ngài Tam Tạng nói: “Trong văn của ba thời kỳ hiện hành đã thuộc về đủ sắc của khí thế giới bên ngoài. Cõi Sắc, nói là đã được đối trị của cõi Sắc, nếu người nhập định cõi Sắc kia, thì thân ở cõi Dục, mà

được định Vô Sắc và nhập định đó, là thời, kỳ thứ nhất, chỉ thành tựu hạt giống hữu lậu của cõi Sắc. Hoặc giả người sinh cõi Sắc kia chưa được đối trị trên, nghĩa là thân cõi Sắc, chưa được tâm của cõi Vô Sắc, là thời kỳ thứ hai, có đủ năm uẩn của sắc. Hoặc “đắc” đã xuất. Nghĩa là thân ở cõi Sắc, được tâm của cõi Vô Sắc; đã phát ra pháp trói buộc cõi Sắc hiện hành, là cõi Vô Sắc của thời kỳ thứ ba.

Nói: “Đã được đối trị, nếu người nhập định cõi Sắc kia, thân ở địa dưới, nhập tâm vô lậu là thời kỳ thứ nhất, chỉ thành tựu hạt giống trói buộc Vô Sắc. Hoặc người sinh Vô Sắc kia chưa được đối trị, là thời kỳ thứ hai. Thân sinh Vô Sắc, chưa được đối trị rốt ráo của Vô Sắc, khởi đủ bốn uẩn của Vô Sắc. Hoặc, “đắc” đã xuất, nghĩa là La-hán Vô Sắc đã được đối trị rốt ráo của Vô Sắc, đã phát ra khởi đủ pháp trói buộc Vô Sắc, là thời kỳ thứ ba.

Lại có khác nhau: Kinh an đều cùng có Tam-ma-địa, nghĩa là phân biệt Tán Tam-ma-địa.

Quyển thuộc đều là quả. Pháp sư Cảnh nói: “Năm uẩn thiện đồng thời, gọi là quyển thuộc. Nếu định và quyển thuộc đã sinh Dị thực, thì gọi là pháp của quả Dị thực đó”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Quyển thuộc nghĩa là tâm, tâm pháp đồng thời. Pháp quả kia: tức câu giới đạo định và sắc quả của cảnh định, đây đều là những trói buộc của cõi Sắc, ngoài ra là trói buộc của cõi Dục. Thuộc về phiền não của sắc, các pháp hữu lậu của cõi Sắc đều sinh ra từ phiền não cõi sắc. Lại sinh nhân quả của phiền não khác nhau, nên nói thuộc về phiền não cõi sắc, trái với cõi Dục kia, là trói buộc của cõi Sắc. Lìa sắc phiền não, nghĩa thuộc Vô Sắc kia, nghĩa là lìa sắc phiền não, tức là phiền não của Vô Sắc. Từ phiền não của cõi Vô Sắc đó sinh ra các pháp hữu lậu. Quả thuộc về nhân, vì là sự trói buộc của Vô Sắc, nên nói rằng: “Nghĩa thuộc về Vô Sắc kia là sự trói buộc của vô sắc.

Trong ba tánh, công năng chiêu cảm quả báo vui ở đời đương lai là thiện hữu lậu, và đối trị với khổ phiền não chính là thiện vô lậu, chủ thể chiêu cảm quả báo khổ là nghiệp bất thiện, phát khởi hành động ác, là phiền não bất thiện. Ly khai lỗi lầm là thiện vô lậu. Và thuận theo công năng đầy đủ đối trị với lỗi lầm, nghĩa là thuận theo công đức đối trị lỗi lầm là thiện hữu lậu.

Ba học: Như luận Đối Pháp nói: “Người cầu giải thoát đã có pháp lành là nghĩa hữu học, từ chứa nhóm địa vị tư lương trở lên. Một phần các uẩn của bốn xứ, mười giới là hữu học. Chủ thể các học xứ, người đã được rốt ráo đã có pháp lành là vô học, nghĩa là một phần các uẩn của

bốn xứ, mười giới là Vô học, nghĩa là pháp thiện, bất thiện, vô ký mà các phàm phu đã có và pháp vô ký nhiễm ô của các bậc Học, pháp vô ký của các bậc Vô học, đều là pháp vô vi.

Các phàm phu, nghĩa là trừ người cầu giải thoát, bậc hữu Học nhiễm ô, như đối tượng thích ứng đó, bất thiện, ẩn mất vô phú, vô ký là lậu, nghĩa là tám giới, tám xứ; niệm và một phần các uẩn.

Ba dứt trừ: Luận Đối Pháp chép: Sự phân biệt đã khởi lên kiến, nghi kiến xứ, nghi xứ và đối với tà hạnh mà kiến v.v... đã khởi, kiến phiền não; tùy phiền não mà phát ra nghiệp thân, ngữ, ý, đều là tất cả uẩn, giới, xứ của đường ác, là nghĩa kiến dứt trừ.”

Phân biệt kiến, nghi trong đây, nghĩa là hỏi pháp bất chính mà khởi năm kiến, đều nảy sinh kiến, nghi nói là hiện quán, nghĩa là khởi sự sợ hãi như thế. Nay là ngã, ngã được tồn tại cái gì? Nghĩa là kiến nghi tương ứng với pháp Cộng Hữu và hạt giống kia. Nếu được kiến đạo, về sau, các pháp hữu lậu trái với kiến dứt trừ, là tu dứt trừ.

Trái với kiến dứt trừ, nghĩa là dứt trừ các pháp hữu lậu còn lại như kiến nhiễm ô do phân biệt khởi. Pháp hữu lậu thuộc về thuận Quyết Trạch, nặng tùy theo phần thiện, vì cũng nói thô. Luận Đối Pháp, quyển ba nói rằng: “Thuận Quyết Trạch phần thiện, dù bị phiền não thô, nặng theo đuổi, nhưng lại kiến lập làm tánh vô lậu, vì đều là tất cả có.” Luận này còn nói: “Lời nói của pháp hữu lậu khác cũng thuộc về quyết trạch phần thiện”. Luận ấy lại nói: “ các pháp hữu lậu, trừ thiện quyết trạch phần, là chẳng phải đối tượng dứt trừ.”

Nói “Tất cả nhiễm ô, dứt trừ hẳn nghĩa đối trị, là đạo vô lậu và nghĩa “đã dứt trừ” tức là năm uẩn như sắc v.v... trong địa vị vô học đã dứt trừ Tùy miên, nên gọi là không dứt trừ. Trái với văn trước đây, làm rõ nghĩa Vô Sắc v.v..., như trước đây đã nói trái với sắc v.v... là Vô Sắc v.v..., nghĩa là Vô Sắc không có kiến, không có đối; không có lậu; không có tranh cãi v.v... ” Luận Đối Pháp, ở trong đó, có sắc, không có sắc; có kiến; không có kiến, có đối; không có đối nối tiếp nhau mà nói. Luận này về sau sẽ nói về không có sắc v.v..., nghĩa là vì luận chủ nói về pháp, ý lạc khác nhau, nên nói như thế. Dưới đây là thứ tư, giải thích thuộc về nghĩa uẩn và tương ứng trong đó có năm trường hợp:

1/ Giải thích nghĩa uẩn. Ý nói các thứ đối tượng mới chiêu cảm thể. Nghĩa là như một vật sắc, dùng các thứ sắc, hương v.v... gọi là mời gọi là. Phải biết nhiều pháp chứa nhóm ở một chỗ. Lại, như nhất tâm, nói là các danh từ thọ, tưởng v.v..., gọi là kêu gọi là. Phải biết tâm và tâm sở, nhiều pháp chứa nhóm, lại là nghĩa hòa tạp lẫn nhau chuyển,

như bốn trần v.v... của một vật sắc hòa tạp lẫn nhau. Cũng như bốn uẩn hòa lẫn của một tâm.

Nghĩa giản lược chung của một loại, nghĩa là y theo trực tiếp năm căn trần, trong thân của một loại, chứa nhóm một chung riêng. Trong loại nhất tâm cũng có tám thức và các tâm sở, đều khởi chứa nhóm trong một niệm, cũng gọi là tổng quát lược qua. Lại, như quyển năm mươi ba cho rằng: “cái gọi là tất cả sắc, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, cho đến xa gần, như thế, đến thức cũng vậy. Tổng, lược qua như thế, thuộc về nghĩa tất cả uẩn, chứa nhóm.”

Nghĩa tăng giảm. Lại y theo ở trường dưỡng căn, trần tăng giảm không đồng, để giải thích chữ nhóm. Lại, nếu tâm nhiễm, thiện khởi, tâm đồng tụ, phần nhiều gọi là “tăng”. Tâm vô ký khởi tâm số, phần nhiều gọi là giảm. Lại, do có tăng ích, chứa nhóm, mới có tổn giảm. Nay, nêu tổn giảm, để chứng minh có chứa nhóm.”

2/ Giải thích nghĩa sắc. nghĩa hạt giống đã gieo trồng được tăng trưởng, nghĩa là phần nhiều y theo vào xứ sắc, nơi nhãn thức đã hiện hành mà nói và nghĩa biến đổi, ngăn ngại. Đây là y theo ở sắc ngăn ngại có đối, nên luận Bà Sa nói: “Nghĩa đối thay hư hoại, quyết định có đối, trở ngại là nghĩa sắc kia.

Nghĩa hư hoại, đối tượng mà tay xúc chạm v.v..., nghĩa là y theo theo năm căn, bốn trần, trừ thính.

Mỗi thứ tướng khác nhau của phương, xứ, tức chung cho cả mười xứ.

3/ Nói về danh rằng: “Thuận với thu hưởng các thứ nghĩa của cảnh sở duyên: như nói là thuận với các thứ nghĩa của đối tượng giải thích. Tám thức, bốn uẩn, nghĩa của chúng cũng vậy. Khởi, hẳn là thuận với thu hưởng nghĩa của cảnh sở duyên.

Dựa vào Danh của ngôn thuyết, từ dụ gọi là Danh. Dựa vào Danh của ngôn thuyết, nhằm phân biệt các cảnh sở duyên, nghĩa là chẳng hạn như nghe người khác nói về danh tự các hành. Bốn uẩn dựa vào danh, để phân biệt các pháp, tức là từ ngôn từ ngôn thuyết, đối tượng nương tựa, nên bốn uẩn được gọi là tên. Phải biết y theo riêng ý thức, bốn uẩn dựa vào Danh để phân biệt, cũng có thể do ý thức này dựa vào Danh để phân biệt, dẫn sinh năm thức đồng thời với bốn uẩn phân biệt, sanh ra năm thức đồng thời, bốn uẩn phân biệt năm trần. Nếu theo nghĩa này, thì sáu thức, bốn uẩn dựa vào danh từ ngôn thuyết để phân biệt cảnh trước. hai thức bảy, tám thì không được nói là dựa vào danh từ ngôn thuyết để phân biệt nghĩa cảnh, chỉ có danh để tư duy. Danh để tư duy

chưa hẳn là phải dựa vào danh từ ngôn thuyết. Tư duy các pháp, chỉ do tự tâm biểu hiện rõ cảnh trước. Câu-xá giải thích danh từ bốn uẩn. Mỗi danh từ đều tự có hai nghĩa:

1- Tỳ; 2- Cầu.

Tỳ, nghĩa là thuận với cảnh thu hưởng; cầu nghĩa là dựa vào danh để hiểu rõ cảnh.

4- Giải thích nghĩa thuộc về: “Thuộc về tự tánh, chẳng phải tánh người khác, nghĩa là các pháp hữu vi đều gìn giữ tự tánh, không mất phép tắc, khuôn mẫu, gọi là thuộc về tự tánh, chẳng phải như thế gian dùng ngón tay để nắm áo, dùng bàn tay để cầm thức ăn. Gọi là thuộc về. Dưới đây, nói về tự tánh thuộc về ý. Vì hiểu rõ khắp, nghĩa là khả năng biết rõ khắp mỗi thứ tự loại. Phá nhân của tướng hòa hợp, chứa nhóm. Đây là ngộ nhập môn Không giải thoát.

5- Trong phần giải thích tương ứng, vì biết rõ khắp, dựa vào tự tánh thanh tịnh tâm v.v..., nghĩa là tánh tâm vốn thanh tịnh, tương ứng với nhiệm, gọi là giảm. Cũng có thể đều cùng có với tham v.v..., tức nhiệm tăng, thiện giảm; đều có với tín v.v... là thiện tăng, nhiệm giảm.”

Dưới đây, là thứ năm, phá chấp của người ngoài, trong đó trước dùng văn xuôi để chỉ rõ ba lỗi. Sau dùng bài tụng để thuộc về.

Trong phần trước nói chỉ có tâm là thật có, chẳng phải các tâm pháp, không hợp lý, đây là phá chung Kinh bộ, chỉ có tâm vương, một tâm pháp thọ, tướng, hành chẳng phải có tự thể riêng. Vì sao? Vì đây là người ngoài gan, vả lại, nói các uẩn, vì có năm tánh không thành, đây là chính phá. Như tánh năm uẩn của Đại thừa, mỗi uẩn đều từ hạt giống sinh, thì năm uẩn thành tự. Như ông đã chấp tâm thật, tâm sở là giả, vì pháp giả không có tự thể, nên năm tánh không thành, đây là một lỗi. Lại nếu người ngoài kia chấp, cho đến cũng có lỗi v.v... nghĩa là dù chấp có phần vị trước, sau của nhất tâm, có riêng thọ, tướng v.v... chứ chẳng phải có thọ, tướng v.v... trong một sát-na. Nay, phá chấp đó rằng: “Hoặc có, hoặc không đều thành sai lầm.” Nếu nói là có, vì “tướng” khác, nên lẽ ra có thể “khác” v.v... Pháp sư Cảnh nói: “Nếu lập tướng v.v... có tướng riêng thì dụng sẽ không lìa thể. Tướng v.v... tức lẽ ra có tánh của vật thật? Nên lập lượng rằng:

“Tâm tướng v.v... đã quyết định có thể thật.” Vì không lìa dụng.

Giống như tác dụng của tâm tướng kia.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đại ý đoạn văn này nói: “Do tâm này khác với tướng, tức lẽ ra đồng thời có tâm số thật, vì sao Sát-na ban đầu chỉ gọi là thức? đến niệm thứ hai gọi là thọ; niệm thứ ba, gọi là

tưởng. Vì nhất tâm được có tướng khác, nên biết rằng, do pháp tâm sở đều có cùng lúc. Vì pháp tâm sở như đây, nên biết được “duyên” cảnh, niệm đầu tiên v.v... tức lẽ ra gọi là thọ, vì tâm đã biết đối tượng duyên, như niệm thứ hai. Nếu nói không có, thì chấp phần vị riêng, là luống uổng.”

Pháp sư Cảnh nói: “ Nếu nói rằng tướng v.v... không có tác dụng riêng thì thế, dụng của tướng v.v... này sẽ đều là “không” mà chấp phần vị trước, sau có riêng, thì đâu không luống uổng ư?”

Pháp sư Khuy Cơ nói lập lượng rằng:

“Ông nói tâm thứ hai lẽ ra không gọi là thọ, vì tác dụng không có riêng.

Như niệm tâm ban đầu.

Lại không nên cho cuối cùng không hợp lý. Vì lẽ, ông đã lập ý thức tùy sáu căn “duyên” sáu cảnh, tức có khác nhau rồi. Phần vị của pháp tướng, thọ v.v... được kiến lập, chỉ ở một căn, một cảnh đồng thời có thể được, nên so sánh không bình đẳng. Nếu cho chuyển biến cuối cùng chẳng phải đối với không có sắc, hữu, như sữa lạc, sinh bơ v.v.... Nghĩa là nếu người ngoài kia bào chữa. Tôi chỉ nói một thức chuyển biến trước, sau để làm tâm sở, nên có bốn tâm”, thì cũng không hợp lý. Vì, sắc có hình dáng, chất ngại chuyển biến trước, sau, chẳng phải đối với pháp vô sắc. Lại nữa. Vì nhân duyên của tâm không có khác nhau, nên hành chia ra phần vị riêng là không đúng lý v.v.... Pháp sư Cảnh nói: “ Nhân duyên của sắc uẩn có các thức chuyển biến, còn tâm thì không có nhân duyên khác nhau, có lập chuyển biến, nghĩa là tâm quá khứ, vị lai là không, hiện tại chỉ một niệm, hễ khởi thì liền diệt ngay, thì làm sao có khả năng làm cho tâm của một Sát-na trải qua nhân duyên dừng lại, không diệt, chuyển biến để cho được thành tựu, rồi lại khởi các tâm sở hiện hành ư?”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Ở trước chấp rằng: “Phần vị của tâm lập ra tâm thọ, tưởng, hành, nghĩa là nhân duyên riêng của phần vị tâm kia không thật có. Như khởi tâm “duyên” lấy một cảnh đáng yêu, ngay ý nghĩ ban đầu lẽ ra khởi tham, cho đến bất cứ lúc nào chưa lìa cảnh này trở lại, lẽ ra cũng vậy. Vì sao niệm đầu tiên, gọi là thức; Niệm thứ hai gọi là thọ; ý niệm thứ ba, gọi là Tưởng? Vì không có pháp Tâm sở, thì tâm ở một Sát-na sẽ không có nhân duyên khác nhau.”

Luận sư Trắc nói: “ Chủ thể sinh nhân duyên hạt giống của tâm vương đã không có khác nhau, chỉ là một tướng. Vì nhân không có riêng, nên ba uẩn của phần vị riêng như hành thọ v.v... là không hợp

chánh lý. Đây là lỗi thứ hai. Lại, vì trái với giáo thứ ba, trong đó, trước, chỉ rõ trái với ba kinh; sau, hội ý kinh Lục Giới.

Trong phần trước: “như kinh nói: Cho đến vì ở trước đã nói. Đây là trái với kinh ban đầu.”

Pháp sư Cảnh nói: “đại ý văn luận nói: “Nếu tham chẳng phải thật thì làm sao có thể được nhiễm tâm phiền não, khiến không giải thoát? Hỏi lại: “Trái cái gì”? là ý đáp:

Nếu lập duy tâm không được đồng thời, thì đây là tâm khởi lìa tham. Lúc tham v.v... khởi, không nên dựa vào thức”. Người ngoài lại bào chữa:

“Sáu thức của ta có trước. Kế lại chuyển biến, nên khởi các pháp tâm sở như tham v.v... có công năng làm nhiễm ô tâm.” Vì cho nên sau lại phá:

Trước đã phá: Sắc có chuyển biến trước, sau khác nhau, có nhân duyên của tâm là không có khác nhau.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Người ngoài cố bào chữa rằng: Tôi đâu có thừa nhận tính tham này đều có với tâm, như lúc “duyên” cảnh đáng ưa thích, ý niệm đầu tiên được gọi là thức: thứ hai, gọi là tham. Tham sau tiếm nhiễm tâm niệm lúc đầu thì đâu có trở ngại?”. Nay phá rằng:

“Vì nhân duyên khác nhau không thật có, nên “duyên” một cảnh đáng yêu.

Luận sư Trắc nói hai cách giải thích:

1- Thuyết thứ nhất: Y theo tông của người ngoài kia để phá: “Nếu chỉ có tâm vương, không có tâm sở riêng, vì hai tâm Vương không cùng có, là tham v.v... đầu tiên, lẽ ra không dựa vào thức.”

2- Thuyết thứ hai: Y theo tông mình phá: “Đối với mỗi thức đồng loại hai tâm không cùng có”. Lại nữa, kinh nói: “Với xúc cùng sinh, thọ, tưởng, tư v.v... là trái với kinh thứ hai. Nếu tâm trước sau không có tâm sở, thì sao kinh lại nói: ‘Xúc và thọ v.v... đều cùng sinh’? Lại kinh khác nói, ‘cho đến, cho nên không thể lìa “câu sinh” để nói hòa hợp.’” Nghĩa là trái với kinh thứ ba.”

Đầu tiên, là dẫn pháp để nói, lại-dẫn thí dụ:

Thí dụ ánh sáng đèn: Như đốt các ngọn đèn rất sáng hòa hợp, các tâm, tâm sở hòa hợp cũng vậy. Cho nên không thể lìa “câu sinh” (đều cùng sinh) mà nói hòa hợp.

Hội ý để giải thích trong kinh Lục Giới, trước, là giải thích về vắn hỏi của người ngoài. Sau, là Luân chủ nêu kinh Bất liễu nghĩa khác, để chất vấn ngược lại.

Trong phần trước, người ngoài lại tự dẫn kinh để vặn hỏi:

“ Nếu ngoài tâm vương có tâm sở riêng, thì vì sao kinh lại nói sáu giới bốn đại, không thức, thành tựu sự sinh, không nói tâm sở; nên nay, nhắc lại cho là không có lỗi?”

Cho nên nói: “Dù rằng kinh nói sáu giới như thế, gọi là sĩ phu, nhưng vì mật ý nói, nên không có lỗi. Dưới đây là mật ý:

Đáp: “Muốn làm rõ đối tượng nương tựa hơn hết của sắc khuynh động tâm pháp, nghĩa là bốn đại trong sáu giới là đối tượng nương tựa của tạo sắc. Không là sở y, của tánh xao động; Thức là đối tượng nương tựa của tâm, tâm sở, chỉ nói sở y.

Trong vặn hỏi ngược lại của Luận chủ, Pháp sư Cảnh nói: “Trong kinh nói ba thí dụ, há ngoài ba thí dụ này, không còn thí dụ nào nữa ư? Hoặc có bốn đại chủng của nơi chốn thô, lấy đó làm ngã, há có thể ngoài bốn đại, không có tạo riêng ư? Hoặc có nơi chốn, ý hữu sắc nảy sinh, tức dựa vào kinh này, há chỉ có hai thứ là sắc và ý ư? Hoặc có tướng Vô Sắc của các xứ sinh. Như thế, há chỉ là tướng sinh chăng?”

Như thế, kinh nói sáu xứ, há có thể ngoài sáu xứ, không có tâm sở khác hay sao?

Luận sư Bị nói: “Thí dụ này nói là ba phần vị ban đầu như yết-thích-lam v.v...”

Pháp sư Thái nói: “Sửa dụ cho bốn đại cõi Dục là ngã. Lạc, dụ cho ý hữu sắc của cõi Sắc nảy sinh. Bơ sống dụ cho tướng không của cõi Vô Sắc sinh ra. Vì chuyển biến hơn thêm, nên lấy ba thí dụ, nhưng chẳng lẽ ngoài ba thì cõi Sắc v.v... không có tâm v.v... ư? Nên nói là “thuộc về v.v...” trở xuống là kết. Dưới đây, dùng bài tụng tóm thâu, như Bản địa có ghi.

Tụng chung có ba:

1- Phải biết rằng vì muốn giải thích nghĩa, nên dùng một bài tụng để chia ra môn nghiệp, gọi là chung là Ốt-Đà-Nam.

2- Trung gian là giải thích tùy theo một pháp xong, tức là dùng một bài tụng để đúc kết lại nghĩa trước, gọi là Ốt-Đà-Nam. Nếu giải thích về môn các nghĩa xong, sau cùng lại dùng một bài tụng để tóm thâu chung thì gọi là Ốt-Đà-Nam sau. Nay đối tượng được nói ở đây là Ốt-Đà-Nam giữa, để đúc kết lại nghĩa trước.

“Năm chủng tánh không thành”, đây là kết một lỗi đầu. Vì nhân duyên lỗi khác nhau của phần vị không có riêng, là tổng kết thứ hai. “Trái với Thánh giáo, đây là kết thứ ba.”

Lại, giải thích: “Bài tụng này kết phần vị khác nhau của bốn lỗi

lâm là thứ hai; nhân duyên không có riêng là thứ ba, nên văn xuôi ở trước cũng chia làm bốn.”

Trên đây, nêu ra phân biệt rộng về uẩn thiện xảo trong sáu thiện xảo đã xong, dưới đây là thứ hai nói về giới thiện xảo, trong đó, ban đầu, là kết trước, sinh sau, kế là, chánh nói về nghĩa giới. Sau, so sánh kết đồng với “hữu”.

Y theo trong phần chánh nói, trước là dùng tám môn để nói lược; sau dùng mười bốn môn để nói rộng.

Trong phần trước, ban đầu là nói về tám môn; sau, dùng bài ụng để kết.

Trong phần trước:

1/ Nói về tướng mạo của giới: “Nếu mắt chưa dứt, hoặc đã dứt xong, mạng căn nhiếp thọ.” Ngài Tam Tạng nói: “Phàm phu Hữu học, gọi là mắt chưa dứt; mắt của bậc vô học, được gọi là đã dứt trừ. Tuy nhiên được mạng căn nhiếp thọ, được trụ nối tiếp nhau. Về lý, thật ra là đã được Lại-da nhiếp thọ, mạng căn vì y theo lý Tùy Chuyển, nên nói là nhiếp thọ mạng căn, cho đến pháp hữu lậu của một phần pháp giới cũng đều như thế.”

Lại, giải thích: “Phần vị nhân chưa dứt trừ “hoặc” và phần vị nhân đã dứt trừ “hoặc” được Lại-da, thể của mạng căn nhiếp thọ. Vì lấy giả để nhiếp thật, nên gọi là mạng căn. Nếu do sắc căn tăng thượng mà sinh nghĩa là vì được thọ dụng năm trần như sắc v.v... nên năm căn sinh ra. Năm căn phát sinh rồi, do thế lực tăng thượng, dẫn sinh sắc v.v....

“Nếu kia đối với đây làm tăng thượng, nghĩa là hạt giống nghiệp kia làm duyên tăng thượng, để sinh ra sắc v.v....”

Lại, giải thích: “Năm trần dùng năm căn làm duyên tăng thượng, mới được sinh khởi. Năm trần kia làm duyên tăng thượng, nuôi dưỡng năm căn này.”

2- Nói về giả, thật, hoặc mười bảy, hoặc hai mươi. Pháp sư Cảnh nói: “Nếu mười bảy là thật thì ý giới là giả, vì lìa ngoài tánh phân biệt của sáu thức, không có y giới riêng. Nếu mười hai là thật, thì sáu thức là giả, vì người lĩnh vực ý sau khi ly sinh, sẽ không có sáu thức riêng, nên thể chỉ là một.

Nay, y theo ở thế tục, để lập đạo lý vững chắc, nên nói là sáu không có nhất nhất là sáu v.v... Pháp sư Khuy Cơ nói: “Mười bảy nghĩa là trừ ý giới.” Đoạn văn dưới đây nói: “Sáu là một, vì sáu thức Vô gián diệt là một ý, Mười hai: Văn dưới nói một là sáu nghĩa là ý giới được chia làm sáu thức, đều là ý giới, nói là đầu tiên, chung cả đạo lý thế

tục của Tiểu thừa v.v.... Nếu Đại thừa tự có mười tám, dùng làm thể của ý giới, đồng thời là thật có. Nay xét Nhiếp Luận quyển mười một, cho ta thấy thọ là thức. Thân là thức, gọi là ý giới, tức là Lại-da và thức Mạt-na. Thân thức tức giới của năm căn, lẽ ra thức thọ tức giới sáu trần. Thức chánh thọ, tức là giới sáu thức. Cho nên mười tám giới đều thật có.

3- Y theo bốn trường hợp để phân biệt: Pháp sư Cảnh nói: “Có khi nhãn chẳng phải giới: nghĩa là nhãn sau rốt của bậc La-hán. Đây là y theo ở ý niệm sau cùng sắp vào Vô dư, nhãn không thể sinh, về sau, chẳng phải là nghĩa hạt giống, không gọi là giới. Cũng nên nói rằng. Người Hữu học từ hai cõi dưới chết đi, lúc sinh lên cõi Vô Sắc, sau cùng Xả nhãn, không gọi là giới.”

Lại, lược qua không luận đồng trong Bản thức là hạt giống, sinh nhãn cầu sau cùng kia, vì nếu có hạt giống, thì nhãn sau cùng là nhãn, sao đặc biệt nói là nhãn, chẳng phải giới nhãn. Lại, nói rằng: “Sao nói là uẩn sau cùng của A-la-hán, gọi là không có hạt giống đã sinh? Nếu nhãn sau cùng đồng thời không có hạt giống “năng sinh” thì sao Nhiếp luận lại cho trong sáu nghĩa hạt giống, có hạt giống ở thời gian này, tức quả của thời gian này sinh, gọi là đều có?

Giải thích:

“1/ Nhãn sau cùng thật sự từ hạt giống đồng thời sinh, mà nói là chẳng phải nhãn giới, nghĩa là y theo hạt giống này không có nảy sinh niệm sau, vì công năng của nhãn, nên gọi là chẳng phải giới, chứ chẳng phải cho nhãn sau cùng không có hạt giống đồng thời, gọi là chẳng phải giới. Uẩn sau, được gọi là không có hạt giống đã sinh cũng thế, tức dựa vào nghĩa này để giải thích khi tâm Kim cương sau cùng của Thập Địa sinh, hiện sinh Lại-da và hạt giống, chủ thể sinh đều đã trụ ở tướng diệt, vì pháp nhân, quả, về mặt lý, tất nhiên đồng thời đều dứt Diệt. Bấy giờ, tức có trí Viên cảnh phát sinh, nối tiếp nhau, nên Luận Trí Độ nói rằng: “Hạnh trong đạo Vô ngại gọi là Bồ-tát; hạnh trong đạo giải thoát gọi là Phật.”

2/ Lại Giải thích: “Nhãn sau của A-la-hán sinh ra từ hạt giống của niệm trước, vì đồng thời không có hạt giống, nên nói là “không có hạt giống đã sinh”.

3/ Lại, sau cùng bất sinh, không gọi là giới nhãn. Lại, không có hạt giống của nhãn, gọi là chẳng phải giới nhãn, mà sau khi sinh giới bảy tâm, gọi là đồng phần kia.

4/ Giới bảy tâm của Đại thừa ở vị lai không có tự thể, không thể

nói là đồng phần, đồng phần kia. Nếu khởi, thì sẽ có công dụng, đều là dụng ấy, vì thế, nên không y theo ở giải thích. Sắc v.v... chỉ có đối tượng chấp, chứ chẳng có chủ thể chấp. Cũng vì không y theo ở giải thích, nên có “duyên” trong pháp giới, như ý không nói là đồng phần, đồng phần kia. Không có duyên, nghĩa là như sắc v.v..., cũng không nói.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đồng phần, đồng phần kia chính là lấy năm căn, gồm lấy sáu thức cũng được. Nhưng thức thứ bảy và ý thức trong Đại thừa, cũng nên phân biệt như năm căn. Tâm trong pháp giới kia, đã y theo ở mỗi một tâm tự biến ra trần, làm sao gọi là đồng phần? Nay, lấy chủ thể nương tựa chung một căn, lấy trần của Bản thức làm đồng phần v.v....”

5- Nói về cảnh thủ của các cõi không đồng, trong đó được chia làm ba: Đầu tiên nói về hợp, ly. Pháp sư Cảnh nói: “Nói sáu hợp chủ thể chấp, nghĩa là ba căn mũi, lưỡi, thân và ba thức đó. Bốn không hợp với chủ thể chấp, nghĩa là hai căn, hai thức của mắt, tai.

Năm và một phần ít chẳng phải chủ thể chấp (năng chấp) nghĩa là năm giới như sắc v.v... và phần ít trong giới pháp, không có pháp sở duyên (đối tượng duyên), chứ chẳng phải chủ thể chấp. Một giới nếu hợp, không hợp, cả hai đều cùng có khả năng chấp, nghĩa là trong trường hợp này, lẽ ra phải nói là hai giới, ý giới và ý thức giới, bởi lẽ ý giới không có tự thể riêng, nên không nói. Nếu ý, thức, giới, với ba thức đều khởi duyên đồng thì sẽ gọi là “hợp năng chấp”, nếu với hai thức nhãn, nhĩ cùng khởi, đồng “duyên” độc đầu ý thức thì sẽ gọi là “không hợp năng chấp”, vì sáu thức tức là nói ý nghĩa. Nếu nói riêng giới ý căn, thì sao sáu thức sinh, đều gọi là ý giới. Như thức Tỷ, thiệt, thân và đồng duyên ý thức sinh sau, gọi là giới y, thì hợp với chủ thể chấp. Hai thức nhãn, nhĩ và đồng duyên ý thức cùng độc đầu ý thức sinh sau, gọi là ý giới, thì không hợp với chủ thể chấp.”

Đối Pháp quyển ba nói: “Ba trong sáu căn kia không hợp với chủ thể chấp, đó là ba thứ nhãn, nhĩ, ý. Ba căn hợp với chủ thể chấp, nghĩa là căn khác. Đây là y theo ở ý thức, dù đều cùng khởi (phát sinh tác dụng) với năm thức, nhưng chúng không dựa vào năm căn. Cho nên, không đồng với hai thức hợp lấy ba trần, do đó, gọi là “không hợp với chủ thể chấp”. Lẽ ra nói ý thức là nói phi ly, phi hợp, vì nó không nương tựa năm căn. Cho nên vì không đồng với hai thức kết hợp lấy ba trần, nên gọi là “không hợp với chủ thể chấp”, lẽ ra nói ý thức là nói chẳng phải ly, chẳng phải hợp, vì nó không dựa vào căn, cho nên đối với năm trần và pháp trần, chẳng phải ly, chẳng phải hợp. Nếu theo Tát-Bà-Đa

thì, nếu lấy cảnh gọi là đến, sáu căn đều đến, nếu không gián đoạn chấp cảnh thì sẽ có ba căn đến, ba căn không đến.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Theo ý của Đối Pháp, thì chỉ không hợp với chủ thể chấp, nghĩa là vì lấy trần của mình làm môn. Trong đây vì lấy năm căn làm môn, nêu chung cho hợp, không có trái nhau. Pháp Giới lẽ ra nói là một phần hợp, không hợp với chủ thể chấp. Vì chỉ một phần giới pháp này, nên lược qua không nói. Thức Bảy, tám của Đại thừa chẳng phải hợp, không hợp mà chấp.”

Kế là, nói về chủ thể, đối tượng chấp. Năm và một phần ít chỉ đối tượng chấp, nghĩa là trong năm sắc giới và pháp giới “không có duyên” pháp, chỉ có đối tượng chấp mười hai và một phần ít cũng là chủ thể chấp, nghĩa là sáu căn, sáu thức và pháp giới hữu duyên, về sau, sẽ nói về sự giúp đỡ.

Ý thức chủ thể chấp cảnh. Tâm sở của ý thức không dựa vào năm căn, gọi là chủ thể chấp riêng. Về mặt lý, thật ra cũng mượn Mạt-na làm sự giúp đỡ cho căn, mới lấy.

6- Nói về sự trói buộc của cõi:

Hỏi: “Có bao nhiêu trói buộc, chỉ cõi Dục, cõi Sắc?”

Đáp: “Có mười một, tức năm căn, ba thức và ba trần. Do hương, vị và thức chỉ ở cõi Dục.”

7- Nói về chấp thọ, và chẳng phải chấp thọ. Pháp sư Cảnh nói: “Năm chấp thọ: đó là năm căn (năm cơ quan). Năm chấp thọ chẳng phải chấp thọ, nghĩa là năm trần. Không lìa căn, nghĩa là được thức chấp. Lìa căn thì chẳng phải chấp thọ.” luận Đối Pháp nói: năm thứ như nhãn, v.v.. hoàn toàn là một phần tư, nghĩa là không lìa căn sắc, hương vị, xúc. Trong đây nói năm thông là thọ, chẳng phải thọ, vì khi thanh khởi không lìa căn, nên nói là chấp thọ. Luận đối pháp là y theo thanh không hằng có nên không nói thọ.

Còn lại chẳng phải chấp thọ v.v..., nghĩa là bảy tâm giới còn lại và pháp giới đều hoàn toàn chẳng phải chấp thọ. Nếu lìa năm căn kia và không lìa tám giới khác của năm trần căn, có riêng tâm chủ thể chấp chấp thọ, thì đối với chấp thọ đó không thể được. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nếu theo chân lý của Đại thừa, thì chỉ có thức thứ tám, mới được gọi là chủ thể chấp thọ. Nếu thuận theo môn lý, thông qua sáu thức, thì nay, thế vẫn dưới đây sẽ nói rằng: “Vì lìa năm căn kia, căn còn lại có thể chấp thọ. Vì xứ (lĩnh vực) của âm thanh có không thường, cho nên không nói. Nay chấp giới của âm thanh ấy.”

Có thuyết nói: “Thức thứ tám không “duyên” âm thanh v.v..., nghĩa

là như phân biệt xứ khác. Luận sư Trắc cho rằng: “Vì lia năm căn năm cảnh bên ngoài kia, tâm pháp còn lại là chủ thể chấp thọ. Vì chấp thọ đối với căn, cảnh đó có thể được, nên căn cảnh đó là đối tượng chấp thọ. Nhưng lia pháp tâm, tâm sở kia, chẳng phải tâm pháp khác làm chủ thể chấp thọ, thì chấp thọ đối với pháp tâm, tâm sở kia sẽ không thể được, nên tám giới chẳng phải chấp thọ”

Hỏi: “Vì sao không nói căn, trần quá khứ, vị lai chẳng phải chấp thọ?”

Đáp: “Vì lẽ không có tự thể, nên không đồng với luận của Tiểu thừa.”

8- Nói về sự khác nhau của giới. Đại ý nói về thể loại của mười tám giới không đồng. Tánh tướng của mười tám giới kia khác nhau, gọi là các thứ giới. Hữu tình là giả, thể của giới là thật. Giả dựa vào thật được trụ gọi là chẳng phải một giới, tức gồm ba pháp trước, nghĩa là các thứ giới. Và “một giới gọi là Vô lượng giới” trở xuống, là dẫn thuyết để chứng thành. Pháp sư Thái nói: “Ác Xoa là tên bao trùm quả. Hình dáng quả ấy giống như hạt Ma tử của xứ này, là nhóm vô lượng, nên chưa dùng làm dụ. Vì địa phương này không có, nên vẫn giữ nguyên tên gốc.”

Trong phần bài tụng kết, những gì là một? “thật có hai tánh; bốn trường hợp có ba; đồng phần có bốn; Thủ có năm; Giới có sáu, chấp thọ chẳng phải bảy, các thứ v.v... chẳng phải mười tám.”

Dưới đây là thứ hai, dùng mười bốn môn để nói rộng về giới. Đầu tiên nói về nghĩa giới. Pháp sư Cảnh nói: “Sáu thứ trong đây đều y theo trong môn chủng nhân duyên của mười tám giới trong A Lại-Da, để giải thích rõ về giới. Dưới đây sẽ giải thích về lập “xứ”, nhằm làm rõ ba duyên còn lại; kiến lập “giới” để làm sáng tỏ nhân duyên, nói nghĩa nhân, nghĩa hạt giống v.v.... Hoặc y theo ở nghĩa trước sinh sau của nhân v.v... hiện hành, nên là nghĩa nhân, cho đến nghĩa gìn giữ v.v.... Như nói “Mất sau cùng của A-la-hán, vì không thể dẫn đến thân sau, nên chẳng phải giới, nghĩa là phải biết rằng, vào lúc khác, trước có thể sinh sau, đều được gọi là Giới. Về nghĩa nhân là nghĩa nhân duyên, nghĩa hạt giống, nghĩa như thế gian nói công năng gần (trực tiếp) mọc mầm, gọi là hạt giống. Về nghĩa bản tánh, nghĩa là nhân duyên là bản tánh của quả. Nghĩa chủng tánh, nghĩa là quả từ chỗ sinh, gọi là chủng tánh, về nghĩa nhỏ nhiệm, nghĩa là lý nhân duyên sâu, gọi là nhỏ nhiệm. Do nhân quả trụ, gọi là nghĩa gìn giữ, cũng có thể nhân quả trụ này dựa vào mười tám giới hiện hành, trước có thể sinh sau, gọi là nhân duyên. Ở

đây y theo duyên tăng thượng để nói nhân duyên. Vì đoạn văn kể là nói mười tám giới làm sáng tỏ nhân duyên, mười hai xứ thì do ba duyên.”

Hỏi: “Nếu trước sinh sau là nghĩa giới, thì như mười xứ cũng nói Vô gián sinh sau là nghĩa xứ kia. Nhân sau của A-la-hán, cũng không gọi là xứ. Vậy xứ và giới có gì khác nhau chăng?”

Giải thích: “Thể dù không khác, nhưng về nghĩa thì thường khác nhau, như nhân trước sinh nhân sau, có bên nghĩa hạt giống, là nghĩa giới của nhân kia, khiến cho bên cạnh sinh trưởng sau là nghĩa Xứ.

Nói y theo ở căn, trần đồng thời sinh ra bên thức có hai nghĩa: Như nhân căn, sắc trần chỉ sinh nhân thức, bất sinh thứ khác, đây là nhân, sắc đối với nhân thức kia có nghĩa hạt giống. Y theo ở duyên tăng thượng, nói là hạt giống, như nhân trước sinh nhân sau cũng y theo trong duyên tăng thượng, để nói là hạt giống. Nếu đồng thời căn, trần sinh trưởng bên cạnh thức, tức là nghĩa xứ. Nên luận dưới đây nói rằng: “Xứ là nghĩa gì?”:

1/ Là nghĩa môn sinh trưởng của các tâm sở.

2/ Nói về Niết-bàn, hư không được gọi là nguyên nhân của giới do chứng Niết-bàn, nên mọi nỗi khổ đều diệt, nên nói giữ cho nỗi khổ bất sinh. Cho nên, Niết-bàn lập ở pháp giới, hư không, chẳng thể ngăn ngại, giữ cho thân qua lại. Vận động tác dụng. Lại, hư không làm duyên vượt hơn, gìn giữ tác dụng nhìn thấy của mắt, nên nói gìn giữ nghĩa tác dụng, vận động của thân nhân v.v....

3- Giải thích ý lập giới, vì làm sáng tỏ nghĩa nhân duyên, nên lập mười tám giới. Giới (cõi) gọi là chánh chấp mười tám giới chủng và làm sáng tỏ nghĩa thọ dụng của căn cảnh, căn là sáu căn, cảnh là sáu cảnh, thọ dụng tức sáu thức trái thuận, khổ vui, v.v...

4- Nói lược về giới có sáu thứ, rộng thì vô lượng.

Hỏi: Mười tám giới do đâu mà chia ra? Y vào đâu mà phân biệt có mấy thứ giới?

Đáp: Nói lược do sáu thứ, v.v... y theo sáu nghĩa mà phân biệt các giới, mười tám thứ như nhân, v.v... thể tánh là pháp nên gọi là pháp giới, phần ít pháp giới của tất cả hạt giống vô lậu của người có tánh ba thừa gọi là Tịnh giới; cũng có thể y theo tất cả pháp giới của người có chủng tánh vô lậu. Vì đều tốt đẹp nên đều gọi là tịnh giới. Tức như hạt giống của mười tám giới như đã nói vốn có từ vô thủy, gọi là giới bản tánh, và trụ chủng tánh ba thừa, không trụ chủng tánh cũng thành bản hữu hạt giống. Hạt giống Niết-bàn cũng gọi là giới bản tánh, do bắt đầu huân tập trở thành hạt giống của giới nhiễm, tịnh hơn, kém trong Sinh tử,

nghĩa là mới huân tập sinh hạt giống; mới huân tập hạt giống vô lậu, gọi là nhân tánh Niết-bàn, nên gọi là huân tập giới ngoài. Giới đã sinh, hạt giống diệt, nhập quá khứ, gọi là quả đã cho, hạt giống của quả chưa sinh, thường chuyển động nối tiếp nhau. Hoặc đã diệt ở quá khứ; hoặc chuyển đi trong hiện tại, gọi là giới của quả chưa cho, giới của bản tánh quả đó được huân tập trong giới. Thắng Quân Hộ Nguyệt, Hộ Pháp đều phân biệt ba nghĩa, nên tư duy.

5- Có bao nhiêu có sắc, vô sắc v.v... cho đến không có dứt? Có mười chín môn để chia ra các giới. Dựa vào thuận theo trong uẩn trước để kiến lập.

6- Nói về Thể của thấy nghe v.v.... Pháp sư Cảnh nói: “Y theo vào đạo lý Thắng nghĩa, sáu căn, sáu thức đều từ duyên sinh, mỗi niệm, không trụ, diệt, không có tác dụng, làm sao có thể nhìn thấy, cho đến rất dễ hiểu? Y theo trong lý nối tiếp nhau của các hữu vi để nói là có tác dụng thì nhân căn v.v... đối với thấy, nghe v.v... vượt hơn, có thể ở các căn đó để lập thấy, nghe v.v.... Vì sao? Vì, nếu có căn, thức thì nhất định sinh, hoặc có thức, mà căn không quyết định, căn thiếu, không thiếu đều có thể được. Nên nói căn là hơn, lập ra người thấy v.v..., về nghĩa thật, thì chỉ đối với sự nhìn thấy v.v..., nói là người thấy v.v.... Ngoài thấy, nghe, không có sự thấy, nghe v.v... riêng. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tự tánh các pháp vì các duyên sinh, vì sát-na diệt, nên không có tác dụng, nghĩa là vì lẽ ban đầu chẳng phải tự nhiên sinh, nên nhìn thấy. Kế là, vì chẳng phải thường, nên được thấy pháp không có tác dụng, pháp tác dụng, vì phá tác dụng của Phệ Thế-Sư v.v..., nên không thể thấy thật.”

Nói: “Hoặc có thức chuyển đi, chẳng phải các căn v.v..., như nhãn, v.v... hoặc thiếu, không thiếu, đều có thể được, nghĩa là hạt giống căn bị tổn hại, không thể sinh hiện hành, hạt giống thức không bị hao hụt, hạt giống thức đó lưu chuyển trong tất cả thời gian, mà căn đôi khi thiếu, không thiếu. Nên biết nếu có hạt giống căn, tất nhiên sinh, hiện có hạt giống thức sinh, thức tự có hạt giống thức, hạt giống căn vị tất sinh ra căn.” Lại nói chuyển đi (lưu). Nghĩa là chuyển đi giống như thức đủ ba thứ thành tự. Nếu căn thiếu, thì chỉ có hạt giống thành tự, thức kia chuyển đi giống như căn thiếu, không thiếu đều có thể được, nên biết được có căn, thức sinh, không đó thức có, căn có.”

Luận sư Trắc nói: “Năm thức có ba thứ:

- 1- Hạt giống thành tự.
- 2- Hiện hành thành tự.

3- Tự tại thành tự.

Nên nói “Không có năm căn, thức chuyển đi có thể được. nếu không có hiện căn, thì căn chỉ có hạt giống không có chi khác. Đối tượng nương tựa của hai mươi một hạt giống, tức là sáu căn. Căn có thứ lớp. Nghĩa là nhãn là trước v.v.... Cảnh giới tức sáu cảnh. có thứ lớp, nghĩa là sắc, thính v.v... đều nương tựa Thức này. Thức đều nương tựa căn, cảnh kia mà sinh. Tùy căn, cảnh kia được lập có thứ lớp trong mười tám giới, dựa vào sáu căn, kể là nói sáu cảnh, sau nói sáu thức, nên nói là ba thứ.

“Vì sao” trở xuống, là giải thích về nghĩa đều cùng nương tựa.

Trong sáu thứ, trước là văn xuôi giải thích, sau là bài tụng thu nhiếp.

Trong phần trước, trước là y theo sáu nhân để nói về thứ lớp của năm căn. Sau, nói chung về lý do vì sao ý căn lại ở sau?

Trong phần trước có mười bốn.

1- Y theo sở duyên (đối tượng duyên) nhiều, ít để phân tích trước, sau, nghĩa là đối tượng mà mắt nhìn thấy vì nhiều nên nói trước. Vì tai nghe tiếng hẹp, nên nói sau v.v....

2- Tùy các việc của thế tục chuyển biến để nói lên thứ lớp của năm căn kia.

3- Y theo ở sự khác nhau giữa hỷ và lạc, để nói về thứ lớp. Pháp sư Cảnh nói: “Tùy hỷ lạc của Chư Phật, Bồ-tát, trước hết nói về mắt v.v.... Như kinh nói: “Căn, nghĩa là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý”. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tình cảm mừng, vui được lập theo thứ lớp này. Lại tình cảm đa số là nỗi vui mừng khi mắt nhìn thấy các sắc v.v....

4- Y theo sự trang sức để giải thích về An-Thiện-Na, là tên loại thuốc của nước phương Tây. Thuốc ấy có màu xanh, đen, bột nó dùng để xoa vào chân mày, mắt. Xứ này không có thứ thuốc đó, nên vẫn giữ nguyên gốc.

5- Dựa vào tác nghiệp để tập theo thứ lớp của dục, nghĩa là trước thấy thân nghiệp, sau nghe ngữ nghiệp. Lúc thọ đoạn thực, trước ngửi mùi hương, kể là nếm vị; sau là xúc giác v.v....

6- Dựa theo nghiệp rộng, hẹp để nói. Xét luận Câu-xá có hai thứ lớp:

1- Thứ lớp chấp cảnh.

2- thứ lớp y xứ.

Nên bài tụng kia nói:

Năm cảnh trước chỉ hiện

*Bốn cảnh chỉ sở tạo
Dụng còn lại chóng sáng
Hoặc theo thứ lớp xử.*

Giải thích rộng như luận Câu-xá kia.

7- Dưới đây, nói chung về ý căn, ở sau, như văn.

Tụng nhiếp rằng: Hai tác giả tức câu thứ năm thứ sáu.

8- Nói về mười tám giới, có thể bao gồm tên khác trong kinh nói về nghĩa, nghĩa là hoặc nói sáu, hoặc sáu mươi hai v.v... đều thuộc về trong kinh ấy. Sáu mươi hai giới, như kinh Đagiới nói.

9- Hỏi đáp để giải thích cõi sắc dường như có hai giới mũi, lưỡi, tức là có hai nhân:

a) Vì trang nghiêm thân.

b) Ở hai nhân này vẫn chưa lìa dục. Theo luận tạng, lại có một nhân, nghĩa là khởi ngôn thuyết.

10- Nói thượng địa được khởi, hạ địa tầm từ. Nói: đáp: “Do hạt giống các thức có Tầm, Từ theo đuổi, vì không có Tầm, Từ cố định, nên khi xuất định xong, là hiện ở trước, Pháp sư Cảnh nói: “Năm thức thật sự không tương ứng với Tầm, Từ kia. Nhưng với năm thức đồng “duyên” ý thức thì sẽ tương ứng với Tầm, Từ, chứ không phải năm thức kia có Tầm, Từ. Cho nên khi địa trên muốn khởi ba thức của địa dưới, thì phải khởi ý thức của địa dưới, đồng “duyên” lấy sắc v.v..., nên Kinh Giải Thâm Mật rằng;

“Một trần chỉ một thức sinh. Bấy giờ có phân biệt ý thức với năm thức kia “duyên” chung cảnh sinh ra, nên biết được năm thức đồng thời với ý thức, tất nhiên, tương ứng với Tầm, Từ gọi là có phân biệt.

Lại, ở trước nói Tầm, Từ chỉ tương ứng với lo mừng, không nói tương ứng với khổ, vui. Phải biết rằng năm thức nhất định không có Tầm, Từ. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trong đây nói y thức đều cùng có tâm Tầm, từ làm chủ thể dẫn, dẫn sinh năm thức, chẳng phải như năm thức của Tiểu thừa cũng tự có Tầm, Từ mới phát sinh. Do tiểu thừa kia dùng đạo đối trị, hoặc chán lìa rồi, vì bỏ đi dục của Tầm, từ, nên gọi là tánh lìa dục, gọi là không có Tầm, Từ. Vì có hạt giống do hiện hành, nên cũng không có lỗi.

Trong đây, nên vặn hỏi: Tầm, Từ trói buộc Sơ thiền. Nhị thiền lìa dục cũng được sinh. Khổ căn lìa dục, nói là Nhị thiền, trong Nhị thiền cũng khởi khổ, gốc khổ ép ngặt, quả bất thiện. Nhị thiền không có gốc khổ. Tầm, Từ phát ra ba thức, cho nên, Địa trên có Tầm, Từ.

11- Nói về mắt, tai, mũi, đều sinh hai phần, căn còn lại, chỉ sinh

một. Y theo theo luận Tiểu thừa, có hai nghĩa:

- 1- Vì thân đoạn nghiêm.
- 2- Vì thức phân biệt sáng suốt.

Trong đây lược qua một.

12- Nói về nhân, nhĩ, tử thức dù dựa vào hai sinh mà thể của thức chỉ một. Nghĩa là nếu một nhân thức bị bệnh, thì không sáng suốt, nên biết được một thức nương tựa hai mắt. Lại, thức chẳng phải sắc, không có nơi chốn riêng, nên không thành ba phần. Đây là phân biệt khác với phái Độc Tử, Thượng Tọa bộ v.v... chấp hai nhân trước, sau được sinh một thức.

13- Nói về nghĩa nhân, quả. Pháp sư Cảnh nói: “Câu hỏi này tức đồng với vấn đề của Sư Kinh Bộ, biết như hai sừng trâu có cùng lúc, đối với nhau chẳng phải nhân, quả. Nhân căn, nhân thức đều cùng có, cũng như thế! Ý đáp trong đây: Thức nương tựa nhân sinh, chứ chẳng phải như hạt giống tiêu diệt, mầm mọc lên. Vì sao? Vì nhân và nhân thức chẳng phải là nhân chính sinh. Cho nên, nhân, quả đều cùng lúc, cũng như ánh sáng của đèn.

Hỏi: “ Sáu nghĩa hạt giống đều có của Đại thừa, pháp sinh đều là đồng thời, vì sao không dẫn lý này để đáp, lại nói là thức nương tựa nhân sinh, chẳng phải như hạt giống tiêu diệt hết thì mầm mới mọc, v.v... ư?”

Đáp: “Bồ-tát Di-lặc thuận theo nghĩa của Kinh bộ Tông nói là nhân trước, quả sau, như hạt giống tiêu mất, mầm mọc lên, để nói về nghĩa sinh nhân quả, nên nói rằng: “Nhân thức chẳng phải là nhân chính thức sinh, vì kiến lập nên tạo ra thuyết này.

Luận sư Thắng Quân dẫn đoạn văn này để nói nhân và nhân thức đồng thời, chứ chẳng phải là nhân chính sinh, tức lập hiện tại có tác dụng của hai thời gian. Như hạt giống hiện tại lúc ở tướng “Dị” phát sinh ra tướng “sinh” kia. Các pháp hiện hành đều do pháp hiện tại sinh, tức gọi là “Trụ”, nên “trụ” và “sinh” về thời gian không khác nhau. Pháp sắp diệt, vì suy yếu nên gọi là “dị”. Cho nên, tất cả nhân, quả sinh nhau, đều y theo vào thời gian tướng “dị”, trong hiện tại làm nhân; thời gian của tướng “sinh” làm quả, mà Nhiếp Luận nói rằng: “ Câu hữu”, nghĩa là nhân, quả vì đồng ở hiện tại, nên nói đều có (câu hữu) chẳng phải đồng với tướng “sinh”, người phương Tây không theo nghĩa này, nên họ phá rằng: “Lúc ông lập tướng khác “thì pháp “ và tướng “sinh” là một hay khác? Nếu là một thì không có tướng “dị”; nếu khác, thì lẽ ra có thể của pháp riêng? Pháp sư Khuy Cơ đáp: “Trong đây, nói kiến

lập nhân, là duyên tăng thượng, chứ chẳng phải là nhân duyên chánh sinh. Nhân, quả của duyên tăng thượng thì đâu ngại gì đồng thời sinh?” Chính vì thế, nên đoạn văn dưới đây nói rằng: “Dù có hạt giống riêng mình, nhưng vì không có đối tượng nương tựa (sở y) này, thành ra thức không nên sinh. Nhân tố chính sinh kia, thì không nhất định, vì hạt giống sinh, hạt giống khác, nên Bản Địa phần quyết. Năm ở trước nói: “Nếu niệm khác của đồng loại nấy sinh, thì chẳng phải tức Sát-na này sinh ra loại khác của hiện tại, lại đồng thời sinh.

14- Nói về sinh các giới như nhân v.v... của ba cõi, có nghĩa vô định, bất định. Trước, y theo cõi Dục, dù tiếng có gián đoạn, nhưng dựa vào một thời kỳ, nhất định sẽ có nghĩa khởi. Tiếp theo, y theo cõi trên, như văn. Dưới đây là đoạn kết so sánh bài tụng đồng có. Pháp sư Cảnh nói: ‘Nói sự giới khéo léo, cho đến bài tụng Ôt-Đà-Nam, nghĩa là theo văn kết này, trước đây đã nói về uẩn khéo léo xong. Kết hợp, có bài tụng tổng kết, rất dễ hiểu. Trong văn vì sao không có văn tổng kết? Chỉ văn phá chấp thứ năm trong năm đoạn của bài tụng, nghĩa là năm chủng tánh không thành v.v...

Nói “Như giới khéo léo đến” phải biết rằng cũng thế, nghĩa là so sánh giải thích văn của Đại thừa, tức là cố dự định so sánh với văn tổng kết sau trong xứ thiện xảo của thuyết sau. Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Bài tụng sau cuối của thiện xảo bao gồm văn trên, giới cũng thế! “Luận sư Bị nói: “Xứ Thiện xảo, ban đầu nên làm văn tụng, mà lược qua không nói. Nay y theo uẩn thiện xảo của văn trước kia, Ôt-Đà-Nam nói rằng: “Nghĩa khác nhau của tự tánh. “Thứ lớp bao gồm y chỉ. Văn xuôi ở sau giải thích về, sáu môn này, như uẩn thiện xảo. Phải biết xứ thiện xảo, ban đầu cũng nên nói rộng về bài tụng Ôt-Đà-Nam, mà giản lược không nói”.

“Thế nào là nhân xứ” trở xuống, là thứ ba nói về xứ thiện xảo, trong đó có:

1- Thể xuất xứ. Pháp sư Cảnh nói: “Vào thời kỳ thứ năm trong thai trở đi, gọi là mắt đã được, chưa bị hao hụt, mất mát, chưa sinh Vô Sắc, gọi là không Xảo, trừ mắt của A-la-hán. Địa vị này đã được pháp phi đoạn diệt của thể Vô gián, là thể của nhân xứ”.

Hỏi: “ Vì sao phải lấy Vô gián sinh sau mới là xứ? Mắt đoạn diệt và pháp đoạn diệt của mắt thân sau của A-la-hán không gọi là thể của xứ?”

Giải thích: “Như văn sau nói: “nghĩa môn sinh trưởng là nghĩa xứ, trước có thể sinh sau nối tiếp nhau không có gián đoạn, mới thuận với

nghĩa sinh trưởng, là nghĩa này. Mắt sau của A-la-hán không gọi là xứ. Mười một xứ còn lại, so với xứ này sẽ biết”.

Luận sư Trắc nói: “Nhãn có ba nghĩa:

- 1- Nhãn.
- 2- Nhãn xứ.
- 3- Nhãn xúc xứ.

Tất cả hiện nhãn, gọi là chung là Nhãn, khả năng sinh nhãn sau, mới gọi là nhãn xứ. Cho nên, nhãn sau của A-la-hán và ở cõi Dục, cõi sắc qua đời sinh lên cõi Vô Sắc. Đều không gọi là xứ. Luận rằng: “Đối với thể Vô gián, chẳng phải là pháp đoạn diệt, đại ý ở đây.

2- Nói chung về sự khác nhau của xứ, Xúc xứ?

Đáp: “Về xứ, như trước đã nói, nghĩa là đã được không Xả, đối với thể Vô gián, chẳng phải pháp đoạn diệt.

Nói Xúc xứ, nghĩa là đều có chung với xúc, đồng thời làm căn trưởng cho xúc kia. Hoặc chủ thể không gián đoạn, dẫn phát các xúc v.v..., nghĩa là năm căn của niệm trước dù không đều có chung với xúc mà có thể dẫn phát xúc của niệm sau không gián đoạn, vì thuận theo xúc sau, cũng gọi là xúc xứ.

3- Đem nhãn đối với xứ, chia ra bốn trường hợp. Pháp sư Cảnh nói: “Nhãn sau của A-la-hán là pháp đoạn diệt. Khi người Hữu học sinh lên cõi Vô Sắc, cũng là pháp đoạn diệt Vô gián. Lại, hiện thân của vô học sẽ được Niết-bàn, thân ở cõi Dục, bị người khác đánh phá nhãn căn. Bấy giờ nhãn của niệm sau cùng, cũng là pháp đoạn diệt Vô gián, là nhãn, chứ không phải xứ. Nhĩ, tử v.v... Vô gián dẫn dắt đến sau là xứ, chứ chẳng phải nhãn, nhãn kia nối tiếp nhau. Lại, phàm phu sinh hai cõi dưới, qua đời, sinh lên cõi Vô Sắc, lại có phàm phu cõi Dục đã bị người khác đánh hỏng mắt, và thân của người hữu học ở đời sống khác cõi Dục chưa hết, cũng bị đánh hỏng mắt.

Các người như thế v.v... sau cùng đã Xả nhãn, không gọi là pháp Vô gián đoạn diệt, vì có khả năng sinh nhãn của thời gian sau kia đều là trường hợp chung. So sánh biết hai môn giới, xứ thuộc về pháp không hết, vì nhãn v.v... sau cùng chẳng phải giới.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Sở dĩ nhãn trong giới và chẳng phải giới, chỉ chấp lấy nhãn của niệm sau cùng của A-la-hán. Nay, trong xứ này nhãn chẳng phải xứ cũng chấp sinh nhãn niệm sau của Vô Sắc, nghĩa là vì chấp hạt giống của giới trong giới, nên chỉ nói La-hán. Nay trong xứ này vì y theo vào hiện hành giữa, nên nói chung là niệm sau của nhãn căn diệt tận.”

4- Nói về xứ và xúc xứ đối nhau tạo nên các trường hợp, tức thuận với trường hợp sau.”

Hỏi: “Thứ hai, trước đã nói về điểm khác nhau giữa xứ và xúc xứ. Vậy khác nhau thế nào?”

Giải thích: “Trước, nghĩa là nói chung của phẩm luận như thế, trong đây, tạo nên các trường hợp để phân biệt. Nhưng, chẳng phải pháp Vô gián đoạn diệt, nghĩa là phân biệt nhãn v.v... sau cùng của A-la-hán.

Trường hợp thứ tư kia chẳng phải xúc xứ, lại chẳng phải xứ; nếu ở cõi Sắc cho đến nhất định chẳng phải xứ. Ngài Tam Tạng nói: “Ở đây lẽ ra là xứ, chẳng phải xúc xứ, mà gọi là phi xứ, nghĩa là y theo sinh hai căn mũi, lưỡi của cõi Sắc. Sinh năm căn như nhãn v.v... của trời vô tướng ở trong một thời kỳ, nhất định không thể sinh tâm, tâm sở nên không không gọi là xứ. Vì thế, nên đoạn văn tiếp theo là nói môn sinh trưởng của các tâm, tâm sở, gọi là nghĩa xứ.

Luận sư Trắc nói: “Đoạn văn này vì lược qua lắm, lẽ ra nói là chẳng phải xúc xứ.

5- Giải thích về nghĩa xứ, trước hỏi đáp để nói xứ về sau, phân biệt rộng và theo thứ lớp, chỉ đồng với giới.

Trong phần trước, câu hỏi có hai:

1- Hỏi về nghĩa xứ.

2- Hỏi về lập xứ.

Đáp tức có hai:

1- Đáp câu hỏi trước v.v.... Sáu nghĩa gọi là xứ, lược có ba so sánh (tỷ lệ). Nghĩa xứ đồng thời tức ở trú xứ.

2- Thời trước: tức xứ phương tiện của môn sinh trưởng.

3- Có cả hai thời gian, tức tánh hòa hợp và đối tượng nương tựa.

Nói “nghĩa Môn sinh trưởng”: Xưa nói: “Nghĩa thâm môn là nghĩa xứ, là sai. Vì sao biết? Vì hoặc bản Phạm nói A-Da; gọi là sinh trưởng; Đặc Hoạt-La, gọi là môn Hán dịch là nghĩa môn sinh trưởng. Nếu nói là nghĩa thâm môn (cổng vận tải) thì bản Phạm nên gọi là Ba-La-Đặc-Hoạt-La.

Hai; là đáp câu hỏi sau, vì ba nghĩa dục, nên lập nghĩa xứ, nghĩa ý trong mười hai xứ là duyên Vô gián; Năm căn là duyên tăng thượng; sáu cảnh là sở duyên. Sáu biện biệt, thuộc về, lược qua, gọi là xứ, trong đó, trước nói về thuộc về khác, gọi là xứ; sau, môn khác chỉ cho giới.

Trong phần trước, tám thắng xứ v.v... là ý trong mười hai xứ, thuộc về pháp xứ; tâm đương thời là ý xứ. Pháp mà tâm, xứ đồng thời khởi

chung, là pháp xứ, chỉ trừ Vô Tướng xứ, thuộc mười xứ kia, trừ hương vị. Dưới đây nói: “y chỉ xứ như giới, nghĩa là trong môn giới ở trước, nói về thuộc về khác, gọi là giới đã xong, tức hỏi đáp nói về tỷ giới của cõi Sắc, để cho đối tượng nương tựa được trang nghiêm. Lại vì đối với hai xứ này chưa lia dục. Lại, nói về ba căn, mỗi căn đều sinh hai, vì khiến nương tựa vào đối tượng trang nghiêm này. Nay, trong xứ này, lẽ ra nói về nghĩa này, chỉ cho như giới mà nói.

Dưới đây, là thứ tư, giải thích về sự khéo léo của duyên khởi, trong đó, trước, nói lược về chín môn; sau chỉ cho Bản địa trước đây đã nói, nay không nói nữa.

Trong phần trước:

1- Nói về tướng “duyên sinh” chỉ có pháp không có nhân. Pháp sư Cảnh nói: “Nói là không có chúa tể, không có tác giả; thọ giả”, đây là phá Số Luận sư chấp “ngã” là “tác giả” và “thọ giả”, nay nói chỉ “nhân”, là chủ thể tạo tác; chỉ có “quả”, là chủ thể thọ (nhân).

Không có tự tác dụng, nghĩa là phá sư Thắng luận lập có các pháp: cú, Nghiệp, lúc khởi, có tác dụng của nghiệp thật, nay, nói các pháp không có tác dụng thật, không được tự tại, từ nhân mà sinh, nương gá vào các duyên chuyển biến. Đây là bác bỏ ngoại đạo chấp tự nhiên: “tất cả các pháp tự nhiên có, không sinh từ nhân”, Nay, nói các pháp đều từ nhân sinh, tạm gá vào duyên, không được tự tại, nên biết chẳng phải tự nhiên sinh.

“Vốn không mà có; có rồi sẽ ly tan, tiêu diệt.” Đây là phá chấp thường. Nay, nói do đây nên vô thường.

Chỉ pháp được sáng tỏ, nghĩa là kết không có chủ thể v.v... ban đầu, chỉ có pháp, chủ thể thối nhuần, đối tượng thối nhuần, nghĩa là kết luận trước,

2- không có tác dụng riêng, chỉ do vô minh có thì hành có, không có tác dụng của nghiệp thật.

“Rơi vào nối tiếp nhau”, nghĩa là kết thứ ba và thứ tư ở trước. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tác dụng vô minh”, nghĩa là trời tự tại; hoặc pháp này từ “duyên sinh”, không có tác dụng riêng, pháp khác rất dễ hiểu.

Hai cách giải thích, trong đó, ban đầu, nói về danh không đồng. Nhân thể làm duyên sanh khởi ra quả, nên nói rằng: “Nhân danh mà duyên khởi”. Do sức duyên kia, nên thể của quả được sinh, nên nói rằng: “Quả gọi là “duyên sinh”.

Kế là, y theo sinh nhau để nói về tướng “duyên sinh” của “duyên khởi”.

“Vì tùy miên vô minh này không dứt”: Đây là giải thích nhân, gọi là duyên khởi.

“Vô minh kia ràng buộc hữu”, Đây là giải thích quả, gọi là “duyên sinh”. Vì vô minh này ràng buộc sự sinh, nên các hành kia chuyển: Đây là y theo vô minh “duyên” hành, để giải thích về nhân, gọi là duyên khởi, quả, gọi là duyên sinh. Hạt giống các hành như thế không dứt, các hành được sinh: Đây là y theo vào hạt giống của hành sinh ra hành, để giải thích về duyên sinh của duyên khởi.

“Vì các hành sinh, nên có thức chuyển, nghĩa là do hành sinh xong, vì huân tập hạt giống cũ của thức, dẫn phát hạt giống thức kia sao cho nó được tăng trưởng”. Đoạn văn này, y theo hành “duyên” thức, để giải thích “duyên sinh” của duyên khởi.

“Các pháp còn lại như thế”, so sánh biết như trên.

Nói về giả, thật. Pháp sư Cảnh nói: “Có sinh tử là giả, nghĩa là vì pháp là không, tức chi hành trước do Ái, thủ thãm nhuần kiến lập, gọi là “hữu”. Sinh, già chết chỉ giả lập sinh, tử trên pháp phần vị của báo sau, nên lập là giả.” Pháp sư Thái, Luận sư Trắc đồng nói: “Sinh và già chết là tên gọi là của ba tướng trong bốn tướng, vì là phần vị giả, nên cũng chẳng phải thật.

Nói về năm tướng lập “duyên khởi: Trước là nêu chung, gạn hỏi. Sau, là giải thích riêng theo thứ lớp.

Trong phần trước gồm có:

1/ Quán khởi sáu xứ, là mê quả khổ ở trước. Do mê khổ này, mà khởi bảy thứ như vô minh v.v....

2/ Hiện khởi chi thọ. Do tham thọ này, mà sinh ba thứ Ái, Thủ, Hữu là chỗ nương tựa của nhân sinh.

3/ Nói là bảy chi trước.

4/ Nói là Ái, Thủ, Hữu.

5/ Nói là vị lai có hai chi.

Mười hai tướng nhân như thế xoay vần sinh không dứt. Trong đây, thì nói mười hai chi chia làm ba phần:

1/ Bảy chi trước là nhân dẫn.

2/ Ba chi kế là nhân sinh.

3/ Hai chi vị lai là quả của hai nhân dẫn sinh của hai chi trước.

Luận Đối Pháp chia làm bốn.

Như trong bảy chi trước, tức chia ra chủ thể dẫn, đối tượng dẫn. Còn năm chi sau, thì chia làm chủ thể sinh, đối tượng sinh.

Trong giải thích riêng nói: “danh sắc trong hiện pháp là “duyên”

sáu thứ sinh khởi, nghĩa là đối với Thể của xứ nương tựa không dứt, không biết cho đến gọi là vô minh, nghĩa là vì mê sáu xứ, nên khởi vô minh làm duyên khởi hành, cho đến xúc xứ”. Đây là giải thích nghĩa y, xứ. Trong đây trở xuống, kết y, xứ. Luận sư Khuy Cơ, Trắc đồng nói: “Đây là nêu chung danh sắc, sáu xứ của một thân, làm chỗ nương tựa cho nhân dẫn như vô minh, v.v... chẳng phải thời phần; vô minh, xúc, thọ là nhân sinh mọi đau khổ, tức dựa vào thời gian.

Xúc, Thọ làm chỗ nương tựa cho “nhân” sinh ra ái, thủ v.v.... Chỗ nương tựa của nhân sinh mọi đau khổ, cũng phát ra thể, giải thích nghĩa để kết luận.

Nhân dẫn mọi đau khổ, cho đến khổ già chết, nghĩa là do chi hành của ba nghiệp như phước v.v... kia đã huân tập (hun đúc) dẫn sinh hạt giống của năm chi hành, hữu kia mà được tăng trưởng. Chủ thể dẫn phát quả sinh, già chết của năm chi như thân thức v.v... còn lại ở vị lai. “Cho nên v.v...” trở xuống, là kết.

Nhân sinh các đau khổ, nghĩa là Thọ “duyên” Ái; Ái “duyên” Thủ; Thủ “duyên” Hữu v.v.... Phát ra thể của nhân sinh, tức việc đã làm ở trước được giải thích dưới đây:

Có nghĩa: “Nói là ở trước tạo ra chi hành và hạt giống thức v.v... làm phiền não thấm nhuần, để cho quả sắp hiện hành, nên gọi là hữu.

Các đau khổ sinh khởi; nghĩa là hữu “duyên” sinh; sinh “duyên” già chết. Phát ra thể của các đau khổ, tức thức, danh sắc v.v... cho đến “lại được gọi là khổ, nghĩa là hạt giống của năm chi, xưa ở trong thức, từng gọi là nhân dẫn. Thời nay, quả sinh, gọi là sinh, già chết. Nhưng hạt giống này đồng với Dị thực của thể sinh, tử cũng gọi là thọ khổ.

Phân biệt vô minh, trong đó, trước, phát ra nghĩa đúng; kế là, đã phá chấp tà; sau, là kết chánh nghĩa.

Trong phần chấp, phá chấp, trước, là phá chung hai chấp; sau, là phá riêng hai chấp.

Trong phần trước, chẳng phải cho mình không có, cũng chẳng phải người trí tà: Có thuyết nói: “Mình không có chính là vô minh, tức còn có riêng thể của vô minh”, thuyết sau nói: “Trí là trái với chánh, tức là vô minh. Chỗ nào nói có riêng thể của vô minh, nên nói như vậy?”.

Y theo trong phần phá riêng, vì sao? “Vì người ngoài ngụ ý hỏi: “Tôi lập mình là không, kể cả trí tà là Thể của vô minh, chính là đạo lý. Vì sao phi ngã đều nói là tà?”. dưới đây là Luận chủ phá:

Trước, phá mình là không; sau phá trí tà.

Trong phần trước, tức chỉ rõ sáu lỗi:

1- Lỗi ba phẩm không thành, Pháp sư Cảnh nói: “Nếu mình kia không có là vô minh, nghĩa là mình không có tức là tánh không có. Pháp của tánh “không” chẳng có ba phẩm, mà Đức Phật nói là vô minh có thượng, trung, hạ, nên biết mình không có chẳng phải vô minh. Nên lập lượng rằng:

“Ông lập vô minh, lẽ ra không có tự thể.

Vì không có ba phẩm.

Giống như sừng thỏ.”

Luận sư Bị cho rằng: “Lượng này không thuận với nghĩa văn, vì thế, nay lại lập:

“Ông chấp vô minh, lẽ ra không có ba phẩm.

Vì tánh của vô minh.

Như sừng thỏ v.v....”

2- Lỗi hiện chủng không có lỗi khác, nghĩa là nếu mình không có, mình không có, thì không có tánh, làm sao có được hai thứ hạt giống và hiện hành khác nhau? Do pháp không có tánh, nên bất cứ lúc nào, tướng mạo của nó cũng giống nhau, vì không có hiện hành và hạt giống, vì tùy ràng buộc.

3- Lỗi các tâm đều nhiễm; nghĩa là nếu là tuệ sáng suốt vô lậu là vô minh, thì tâm ba tánh trong thân phàm phu đều thường là tuệ sáng suốt, thế thì tâm pháp ba tánh lẽ ra đều thành nhiễm, vì vô minh kia là pháp nhiễm.

4- Lỗi bốn nghĩa không bao gồm. Nghĩa là mình không có, thì tánh không có. Pháp của tánh không có chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, không thể làm cho nhiễm, không thể làm cho tịnh.

5- Lỗi tuệ sáng suốt không khởi, nghĩa là tâm pháp ba tánh của phàm phu đều là vô minh. Vô minh nối tiếp nhau, tất nhiên, tuệ vô lậu sáng suốt không được khởi.

6- Lỗi bậc Thánh nói dối: nghĩa là không nên nói vì vô minh diệt, nên mình được sinh khởi, vì pháp vô sinh, nên chẳng khởi, diệt. Dưới đây là phá tà Trí.

Trước gạt ba môn; sau, theo thứ lớp, phá riêng. Trước, cũng y theo trí thế tục để phá chấp kia. Nếu trừ vô lậu sáng suốt, ngoại đạo phàm phu đã có trí tuệ của ba tánh, lại là trí tà, thì sẽ không có tánh thiện, ác, vô trí khác nhau, vì đều là trí tà, nên không hợp lý.

Kế là, y theo trí của chấp bất chánh (tà) để phá chấp kia. Có ba vấn hỏi:

1- Vấn hỏi không với kiến khác: nghĩa là nếu chỉ tiêm nhiễm trí tà

chấp, gọi là tà trí, thì lẽ ra chỉ năm kiến gọi là tánh nhiễm? Theo đạo, lý của Phật pháp, do năng lực vô minh khởi lên năm hành tướng tà kiến mang tên gọi là khác nhau, gọi là chấp. Năm kiến tức là vô minh, không hợp với đạo lý. Nhưng năm kiến đó không là vô minh. Vì vô minh đều khác với hành tướng kiến, nên y theo trí nhiễm, gọi là vô minh thì trái lý.

2- Vận hỏi Thánh giáo trái nhau. Nghĩa là nếu vô minh không khác với hành tướng kiến, thì đức Thế tôn không nên lập riêng tùy miên kiến, ngoài vô minh. Trong bảy tùy miên, như luận Câu-xá nói:

1- Tùy miên dục, tham.

2- Tùy miên sân.

3- Tùy miên hữu tham.

4- Tùy Miên mạn.

5- Tùy miên vô minh.

6- Tùy miên kiến

7- Tùy miên nghi

3- Vấn mạn chỗ không hề có nói, như văn rất dễ hiểu. Dưới đây, y theo phiền não tương ứng với tà trí để phá thì có bốn lỗi.

1- Lỗi không cùng có với kiến

2- Lỗi chẳng phải dẫn dắt hàng đầu.

3- Lỗi tánh nhiễm không thành, nghĩa là cũng có thể nói là tánh của tuệ nhiễm là do tương ứng nhiễm. Không thể nói rằng chẳng phải thể vô minh, thành tánh vô minh.

4- Lỗi trái ngược chẳng phải phiền não; nghĩa là như thọ, Tưởng, Tư v.v... tương ứng với các phiền não khác, chẳng phải tánh phiền não. Không thể được nói là do tương ứng, nên nay thành phiền não. Vô minh cũng thế, không thể nói là chẳng phải tánh vô minh, nay thành vô minh.

Giải thích hành kia. Pháp sư Cảnh nói: “Trong đây nói về nghiệp của chi Hành, nói về hai thứ ba hành. Đầu tiên, nói thân hành có hai, nghĩa là gió của hơi thở, ra vào gọi là Thân hành, gió hơi thở có hai nghĩa:

1- Cùng với báo thân là hành. Ba định trở xuống, nhờ gió có hơi thở, nên thân trụ không chết.

2- Với thân nghiệp là hành, do sức gió, nên phát động thân nghiệp, nên biết thân hành. Nếu thể của thân nghiệp kia vì là chi hành, nên gọi là thân hành.

Nghiệp do thân tạo ra, cũng gọi là thân hành. Do người ngu lúc

hành sát sanh v.v..., trước là khởi lên gió nghiệp theo thân xong, sau đó, mới khởi thân nghiệp nhiễm ô.

Kế là nói về ngữ, ý. Tâm, tư là phát ngữ, tư gọi là hành ngữ. Đã phát thể của ngữ nghiệp là chi hành, cũng gọi là hành. Kết hợp hai thứ đó, gọi là chung là ngữ hành. Tưởng hành, Thọ và Tư, đều là nhân của tâm vương, gọi là ý Hành, ý Tư chính là thể tánh của Chi hành, nên gọi là Hành.’

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Gió hơi thổi trong đây gọi là Thân hành. Mọi sắc thân đều do gió, nên được nối tiếp nhau, như người thất cổ tự tử, gió hơi thổi vào không chuyển vận, nên gọi là chết. Lại, có gió là đầu tiên làm cho Thân nghiệp v.v... chuyển vận hai nghĩa trong đây.” Lại, ở đây chỉ có một “duyên”. Giải thích rằng: “Gió hơi thổi ra vào gọi là Thân hành”, nghĩa là nêu chung gió là dẫn dắt hàng đầu. Dưới đây, giải thích lý do: phải có gió, thân nghiệp mới chuyển vận.

Nói về địa giới. Cảnh Luận sư nói: “Như sinh cõi Dục, thân hiện đả thọ là sinh, già chết, tức y theo ở thân này thọ, sinh, già chết thuộc về mười chi trước, đều thuộc cõi Dục, cho đến sinh ở Phi tưởng, thọ sinh, già chết. Vì y theo ở quả thuộc về, nên nhân đều thuộc về Phi Tưởng. Đã thế vô minh cõi dưới, nghĩa là không phát nghiệp của cõi trên, phàm phu ấy chưa lia dục, khởi nghiệp của định Vị Chí, chỉ do hạt giống vô minh của đương địa, mà phát sinh. Nay, y theo luận Duy Thức, vô minh của địa dưới, có thể khởi hành của địa trên. Nên biết rằng cách giải thích ấy trái với Luận.”

Luận sư Bị nói: “Chi Hữu này đối với xứ sẽ sinh để phán quyết, tức có thể là trói buộc của xứ sẽ sinh. xứ này chỉ có một chi của chi hữu, chẳng phải mười hai chi duyên khởi, mà khởi.”

Dùng ba sự thuộc về mười hai chi.

“Lại nữa, cho đến đều thuộc về sự. Hành trong đây có hai chi là Nghiệp, Tâm. Hạt giống trong chi hành và hiện hành, đều là chi Hành. Chi thức tự lấy tên vốn có trong thức, gọi là hạt giống thức để làm thể của chi thức. Luân Đối Pháp chép: “Tức nói hạt giống của chi Hành gọi là chi Thức, nghĩa là do hạt giống của chi Hành trụ ở trong thức, đồng với đối tượng nương tựa của chi hành kia, cũng gọi là Thức. Tự tánh của chi thức nhập vào danh sắc, tùy ý lấy, bỏ của luận giả không nhất định.

“Lại trong hai nghiệp, cho đến nói là có” ban đầu là dẫn nghiệp trong nhân, sau là nghiệp trong nhân sinh, cho đến nói ái, thủ trong ba phiền não. Pháp sư Cảnh, Luận sư Bị đồng nói: “Vừa thấy văn này,

giống như đồng với đoạn văn xưa nói ái, thủ ở hiện tại phát nghiệp, lẽ ra có quá khứ lạc tạ, gọi là vô minh, hành. Về mặt đạo lý thì không đúng, vì vô minh phát nghiệp, gọi là hành. Nay, vì bị Ái, Thủ thắm nhuần sinh, nên chuyển sang gọi là Hữu. Đây tức là nói thắm nhuần, gọi là phát.” Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nói sinh khởi, vì có khả năng sinh, hữu, nên ái, thủ cũng gọi là phát khởi, chứ chẳng phải phát nghiệp phiền não. Đến Xúc “duyên” Thọ trong sự thuộc về sự khác: Đây là y theo hạt giống, danh ngôn của năm chi đối với khổ vị lai, hoàn toàn là nhân. Lại, tức xúc, thọ của năm chi, nghĩa là năm chi hiện tại, nếu năm quả hiện hành của thủ, tức là mười chi quá khứ làm nhân, chiêu cảm quả sinh, già chết này. Trong sinh tử hiện tại ở đây, chia ra thành sự khác nhau của thức. Lại, năm chi thuộc quả hiện tại, cho đến duyên khởi thuộc về nhân. Pháp sư Cảnh nói: “Năm chi hiện tại, gọi là quả, tức là quả sinh, già chết của mười nhân trong quá khứ, tách lia năm hành chi.

Hai chi ở vị lai gọi là quả: “tức gọi là quả của mười nhân trong hiện tại này.”

Luận sư Trắc nói: “Thức, danh sắc, sáu xứ, xúc, thọ ở trước, tánh của hạt giống ở trước đã từng được gọi là nhân dẫn của các khổ. Nên biết chẳng phải năm chi hiện tại y theo theo hạt giống mà nói, nay nói năm chi thuộc về quả hiện tại và hai chi vị lai, được gọi là chung thuộc về quả, nên biết năm chi hiện tại cũng hiện khởi chung thuộc về quả Dị thực. Hai chi nói là năm chi, tức là hạt giống hiện hành, chung, hạt giống còn lại cũng như thế. Các Luận sư phương Tây, nói: “Năm chi hiện tại chính là nói hạt giống gồm cả hiện hành. Hai chi vị lai, chính là nói hiện hành, nói cả hạt giống.

Nói về vô tri, nói sinh năm pháp trở thành năm tai hại lỗi lầm, trong đó, trước hết, nói sinh ra năm pháp. Sau nói về năm lỗi.

Trong phần trước, nêu số, bày, danh, giải thích theo thứ lớp.

1/ phát ra vô tri sinh nghi của ba đời, nói: “Nếu nghi ngờ ở trong thì có cái gì?” Đây là nghi thân trong hiện tại, nghi cái ngã có. Ngã là cái gì? Ngã là ai? Đây là nghi thân trong hiện tại bị hệ thuộc về ai? Nay, hữu tình này, cho đến mai sau, sẽ ở nơi nào? Nghi ngờ chỗ đi đến của hữu tình trong hiện tại? Phải biết nỗi nghi này từ vô tri của hai bờ mé trước, sau trong hiện tại mà sinh,

2/ Từ ba ngu trong, ngoài v.v... sinh ra bốn ái: Đầu tiên, là thân ở hiện tại sinh ái. Kế là thân ở trong vị lai, sinh ra ái của hữu sau. Kế là, ở hiện tại đã được cảnh ngoài, sinh mừng, tham, đều là hành ái. Ở vị lai, chưa được cảnh ngoài, sinh ra mừng, vui, ái kia.

3/ Nghiệp Dị thực của ba nghiệp đều là ngu, năng sinh phi xứ trụ.

Lỗ-Đạt-La, Hán dịch là Bạo ác. Tỳ-Sát-Nô xưa dịch là Tỳ-hữu Thiên, Hán dịch là Huyền hoặc, có thể hóa ra voi, ngựa, huyền v.v... làm mê hoặc thế gian. Hai vị trời này đều là thân biến hóa của Đại trời Tự Tại có chỗ nói: “Tỳ-Sát là thân biến hóa của vị Tiên Bà-tẩu. Thế chủ thiên, tức Đại Phạm thiên, là các chúng sinh ngu nghiệp quả của mình, nói là mình từ trời kia sinh, nên họ quy y, kính tin vị trời ấy.

4- Đối với Tam Bảo Bốn đế, không thông hiểu đúng, nên sinh ra các kiến.

5- Ngu muội về nhân, quả và Xúc xứ, sinh ra Tăng thượng mạn, trong đó, trước là nói về nhân và quả, ngu si tăng thượng mạn thế gian. Đây là đối với trời Phi Trụ, cho là chánh nhân, gọi là tăng thượng mạn. Kế là nói về ngu xúc xứ, sinh ra tăng thượng mạn thế gian, nghĩa là khi do đạo, được quả Sa-môn, phải thấu suốt sáu xúc xứ, là không, tất nhiên là tường tận danh, sắc, mới được rốt ráo. Nay, ngoại đạo đó không thấu suốt, gọi là tăng thượng mạn.

Trên đây sinh ra năm pháp. Nay, có mười chín thứ ngu, tức là hợp với thuyết trước thành bảy loại. Nay, tổng kết, sinh ra năm pháp, tức là năm thứ ngu.

“Như thế v.v...” trở xuống, nói về năm lỗi. Trước là nhắc lại để kết, sinh ra năm thứ nhiễm. Sau nói năm đắc, sinh ra năm lỗi:

1- Tự hoài nghi không quyết định, theo tà giáo của người khác, gieo mình từ núi cao xuống hố, chạy nhảy trên lửa, hiện đang chịu nhiều khổ não. Ba đoạn văn giữa đã chỉ rõ. (thông qua 2, 3,4)

5- Do phi phương tiện: như tự nhin đỏi v.v..., mà khởi chánh phương tiện, vì tăng thượng mạn, nên không được sinh lên cõi trời, thậm chí đọa vào đường ác, gọi là quả khác lạ, do thật sự không có khả năng thông suốt. Trí của sáu xứ chưa được, cho là được, sinh ra tăng thượng mạn, nên không có quả Sa-môn Vô lậu.

